

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



VỮNG CHẮC NỀN TẢNG

ACBS

Mục lục

01

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn - Sứ mệnh	01
Giá trị cốt lõi	02

02

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

03

Về ACBS

Quá trình hình thành và phát triển	01
Bộ máy tổ chức	02
Các Khối	01

04

Tổng kết kinh tế Việt Nam 2015 và Triển vọng 2016

05

Kết quả hoạt động kinh doanh của ACBS năm 2015



Năm 2015, công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) vinh dự được Ủy ban chứng khoán Nhà nước vinh danh là một trong mười lăm (15) công ty chứng khoán uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. ACBS cung cấp cho khách hàng tổ chức và cá nhân những dịch vụ tài chính, dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên nghiệp.

Thừa hưởng thế mạnh về tiềm lực tài chính và cơ sở khách hàng từ ngân hàng mẹ, ngân hàng TMCP Á Châu, ACBS đã không ngừng củng cố nguồn nhân lực, nghiên cứu cải tiến hệ thống, công nghệ để gia tăng giá trị dịch vụ cung cấp đến khách hàng.

Hơn 15 năm hình thành và phát triển, ACBS luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả với mục tiêu phát triển bền vững. Đến nay, ACBS luôn giữ vững vị trí trong top 10 công ty có thị phần lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn – Sứ mệnh

ACBS định hướng phát triển theo mô hình Ngân hàng đầu tư hiện đại, chuyên nghiệp, là sự lựa chọn đầu tiên cho đối tác là các doanh nghiệp, tổ chức tài chính quốc tế cũng như những nhà đầu tư cá nhân. Trở thành một trong ba công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam.

Góp phần xây dựng những chuẩn mực minh bạch, chuyên nghiệp cho ngành chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung.



Giá trị cốt lõi

Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân đều được cấu thành từ các giá trị và cá tính riêng biệt. Những giá trị này sẽ tạo nên nền tảng và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Các giá trị cốt lõi của ACBS có khả năng dẫn dắt, giúp định hướng suy nghĩ và hành động tích cực của các thành viên công ty. Tại ACBS, chúng tôi xây dựng và gìn giữ các giá trị cốt lõi của công ty mình:

- **Minh bạch và cẩn thận:** Tập trung vào việc đảm bảo quyền lợi khách hàng
- **Vui vẻ hòa nhã:** Tập trung vào việc thấu hiểu nhằm đem lại sự hài lòng cho khách hàng
- **Linh hoạt nhạy bén:** Tập trung vào nhu cầu khách hàng, nhạy bén với thay đổi của thị trường. Phát triển và ứng dụng công nghệ mới vì lợi ích cao nhất của khách hàng.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Andrew Colin Vallis
Chủ tịch HĐQT

2015: Năm của những sự thay đổi Tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc

Bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2015 có nhiều gam màu đối lập. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,1%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với năm 2014. Bên cạnh sự phục hồi khiêm tốn của những nền kinh tế phát triển, sự tăng trưởng tại các thị trường mới nổi và đang phát triển đạt 4%, đóng góp 70% tăng trưởng toàn cầu, và đang tiếp tục giảm điểm trong năm thứ 5 liên tiếp. Sự sụt giảm của giá dầu thế giới, kinh tế Trung Quốc giảm tốc, chính sách tiền tệ thắt chặt của Mỹ cũng như sự bất ổn của thị trường EU là những yếu tố quan trọng nhất đã hình thành lên bức tranh kinh tế toàn cầu trong năm 2015.

Sụt giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc kèm theo biến động của thị trường chứng khoán và sự phá giá của đồng Nhân dân tệ (NDT) đã làm suy yếu nhiều đồng tiền ở các nước Châu Á khác. 2015 là một trong những năm tồi tệ nhất đối với giá dầu trong thập kỷ qua khi mà giá dầu WTI đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 11 năm (37 USD/thùng) từ mức đỉnh (107 USD/thùng) trong năm 2014. Ngược lại với chính sách nới lỏng tiền tệ ở hầu hết các nước trên thế giới, giữa tháng 12 vừa qua, Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định tăng lãi suất cơ bản lần đầu tiên trong gần một thập kỷ, từ mức tiệm cận 0% lên thêm 0,25%. Quyết định này đã được thị trường kỳ vọng từ lâu và cho thấy dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế Mỹ.

Nhìn chung, thị trường chứng khoán toàn cầu đều giảm trong năm 2015 khi mà chỉ số MSCI toàn cầu đã giảm 4,4%. Sự sụt giảm nhiều nhất được thấy ở các thị trường mới nổi, cùng với một số chỉ số trọng yếu như S&P 500 hay FTSE 100 cũng đã giảm lần lượt 0,7% và 4,9%.

Kinh tế Việt Nam: Điểm sáng nổi bật

Trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu chậm lại, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 có nhiều điểm sáng tích cực. Tăng trưởng GDP cả năm ở mức 6,7%, vượt kế hoạch đề ra là 6,2%, trong khi lạm phát cả năm chỉ ở mức thấp 0,6% - thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Khu vực công nghiệp và dịch vụ vẫn là những ngành đóng góp lớn nhất vào GDP với tăng trưởng 9,6%. Tuy vậy, nợ công Việt Nam ở mức cao kỷ lục đang gây lo lắng về khả năng cân đối thu chi của ngân sách chính phủ. Trong năm qua, nợ công Việt

Nam lên đến 110 tỷ USD, tương đương với 60% GDP. Trước những lo ngại về nợ công tăng cao, Chính Phủ Việt Nam đã cam kết kiểm soát chi tiêu chặt chẽ hơn nhằm cân đối ngân sách.

Trong năm 2015, Việt Nam đã đẩy nhanh quá trình đàm phán các hiệp định thương mại tự do quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai. Quan trọng nhất trong số này là hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) với 11 thành viên bao gồm cả Hoa Kỳ. Ngoài ra, hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu cũng đã được ký kết trong năm này và sẽ có hiệu lực từ 2018.

Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong năm qua cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định trong việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại. Năm 2015, tăng trưởng tín dụng cả năm ở mức 18%. Đây là một tín hiệu tăng trưởng tích cực trong bối cảnh các ngân hàng thương mại vẫn phải tiếp tục trích lập dự phòng nợ xấu. Ngoài ra, ngân hàng nhà nước cũng áp dụng chính sách tỷ giá mới bước đầu đã có các hiệu quả tích cực trong việc điều tiết và định hướng thị trường.

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty chứng khoán ACB trong năm 2015

Năm 2015, ACBS tiếp tục triển khai kế hoạch tái cấu trúc toàn diện nhằm nâng cao năng lực và an toàn hoạt động. Về góc độ tài chính, ACBS tiếp tục duy trì cấu trúc tài chính an toàn với tỷ lệ nợ vay thấp và hạn chế đầu tư. Trên 70% nguồn vốn của ACBS được sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ trong khi hoạt động đầu tư được tập trung chủ yếu vào trái phiếu.

ACBS tiếp tục ưu tiên phát triển các hoạt động môi giới chứng khoán. Trong năm 2015, ACBS đã thay đổi cấu trúc hoạt động để gia tăng sự linh hoạt phù hợp với nhu cầu của khách hàng và các thay đổi của thị trường. Song song đó ACBS đưa vào áp dụng các quy chuẩn cao về quản trị rủi ro. Chính sách quản lý giao dịch ký quỹ cũng được thay đổi theo hướng bền vững hơn, thu hút hơn sự quan tâm của khách hàng và tăng tính ổn định của sản phẩm. Chúng tôi cũng xây dựng chính sách lương thưởng mới và mở rộng bộ phận nghiên cứu và phân tích. Ngoài ra, hệ thống công nghệ thông tin tiếp tục được ưu tiên đổi mới để đảm bảo cung cấp cho khách hàng một hệ thống có tính ổn định, tiện lợi và nhiều tính năng.

Về khía cạnh văn hóa doanh nghiệp và định vị thương hiệu, ACBS thành lập phòng Tiếp thị và Truyền thông với mục đích đi tiên phong trong việc tạo lập một văn hóa doanh nghiệp dựa trên sự chính trực, tận tâm, và nhạy bén. Đây cũng là thời điểm ACBS tiến hành thay đổi nhận diện thương hiệu mới với logo thể hiện sự trẻ trung, năng động, sáng tạo và đáng tin cậy. Với những cải thiện mang tính tiên phong này, ACBS đã sẵn sàng là một thương hiệu đầy tính cạnh tranh trong năm 2016.

Với chiến lược thận trọng cùng các thay đổi trong hoạt động, trong năm 2015, ACBS mất thị phần vào tay những đối thủ đang chấp nhận nhiều rủi ro hơn. Lợi nhuận từ hoạt động chính của ACBS giảm 29% do thanh khoản thị trường thấp cùng với chính sách thận trọng của ACBS.

Triển vọng trong năm 2016

2016 sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu với mức tăng trưởng dự báo 3,4%. Chỉ trong vài tháng đầu tiên của năm đã cho thấy sự biến động liên tục của giá dầu và các hàng hóa cơ bản khác. Khả năng phục hồi của nền kinh tế Mỹ cũng như tốc độ tăng lãi suất trong năm nay của Fed vẫn còn nhiều nghi vấn. Thêm vào đó, nền kinh tế của Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm lại, có thể dẫn đến sự suy yếu của đồng NDT và biến động ở các đồng tiền khác.

Trong đó, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ vào cơ cấu dân số vàng và các yếu tố cơ bản ổn định. Ngoài ra, thị trường vốn Việt Nam được kỳ vọng sẽ có những thay đổi lớn trong năm 2016. Đầu tiên là các quy định về hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể được nới rộng hoặc thậm chí xóa bỏ nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Thứ hai là kế hoạch IPO của các doanh nghiệp nhà nước lớn như Mobifone được kỳ vọng sẽ thu hút vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thứ ba là các sản phẩm tài chính mới được giới thiệu ra thị trường, bao gồm giao dịch trong ngày và sản phẩm phái sinh. Với những thay đổi mang tính định hướng phát triển này, thị trường vốn sẽ đóng vai trò lớn hơn trong hệ thống tài chính-kinh tế, và góp phần tạo nên môi trường tăng trưởng mạnh mẽ cho các công ty chứng khoán.

Về phía ACBS, với những cơ hội từ thị trường niêm yết, cổ phần hóa và thị trường vốn tư nhân, chúng tôi quyết định xây dựng chiến lược kinh doanh cân đối hơn với sự tham gia của mảng ngân hàng đầu tư và tự doanh. Tuy vậy, mảng môi giới vẫn là dòng sản phẩm chính. Liên quan đến mảng tự doanh, chúng tôi có kế hoạch kiểm soát chặt chẽ định mức và giới hạn đầu tư. Về mảng môi giới, việc nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm và chính sách giao dịch ký quỹ ổn định là những chiến lược chính để ACBS giành lại thị phần trong năm 2016. Chúng tôi tin tưởng ACBS sẽ hoạt động tốt hơn.



Trịnh Thanh Cán
Tổng Giám đốc

VỀ ACBS

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPH&KD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29/06/2000.

Hội sở chính đặt tại:

41 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ

1,500 tỷ
đồng

Vốn chủ sở hữu

hơn 1,800 tỷ
đồng

Tổng tài sản

hơn 2,200 tỷ
đồng

Sản phẩm dịch vụ

Môi giới chứng khoán

Giao dịch ký quỹ

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Bảo lãnh phát hành Chứng khoán

Lưu ký Chứng khoán

Phân tích và tư vấn đầu tư

Quản lý quỹ

(thông qua công ty con là ACB Capital)

Công nghệ

Từ ngày 02/01/2007, ACBS đã hoàn thành việc trực tuyến hóa các chi nhánh với cơ sở dữ liệu tập trung và xử lý theo thời gian thực, việc này đảm bảo giao dịch của khách hàng được thông suốt và an toàn trên toàn bộ kênh phân phối của ACBS.

Ngoài ra, hệ thống thông tin của ACBS được tích hợp toàn diện trong thời gian thực với hệ thống thông tin của ACB nhằm đảm bảo giao dịch của khách hàng trên hệ thống được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và an toàn.

ACBS là thành viên của SWIFT (Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunication – Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn Thế giới), đảm bảo phục vụ khách hàng trên toàn thế giới trong suốt 24 giờ mỗi ngày.

Kiểm toán độc lập: KPMG Việt Nam

Mạng lưới hoạt động

Hội Sở
41 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Q.1, HCM
T: (08) 38 234 160

Chi Nhánh Cần Thơ
17 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Tân An, Cần Thơ
T: (0710) 3783 638

Chi Nhánh Trương Định
107N Trương Định, P.6, Q.3, HCM
T: (08) 54 043 054

Chi Nhánh Hà Nội
10 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
T: (04) 39 429 395

Phòng Giao Dịch Chợ Lớn
747 Hồng Bàng, Q.6, HCM
T: (08) 39 695 548

Chi Nhánh Hải Phòng
15 Hoàng Diệu, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
T: (031) 3569 998

Phòng Giao Dịch Minh Khai
442 NTMK, P.5, Q.3, HCM
T: (08) 38 328 248

Chi Nhánh Đà Nẵng
218 Bạch Đằng, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
T: (0511) 3843 444

Chi Nhánh Vũng Tàu
Lầu 2 Lô A3-A8 111 Hoàng Hoa Thám, P.2, Vũng Tàu
T: (064) 3597 104

Chi Nhánh Khánh Hòa
80 Quang Trung, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa
T: (058) 3522 762

Các đơn vị liên quan

Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Công ty con
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)

Lịch sử phát triển

2000 - 2005

06/2000

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động 06.UBCK- GPHĐKD cho Công ty TNHH chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng).
- Trụ sở chính đặt tại 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
- ACBS đi vào hoạt động cùng lúc với thị trường chứng khoán Việt Nam và Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM.
- Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Quản lý danh mục đầu tư.

09/2005

ACBS thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất (1), tăng lên 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).



2006 - 2010

2006

Tháng 05/2006, vốn điều lệ tăng lần hai (2) là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng).

Chuyển trụ sở chính đến 9 Lê Ngô Cát, P. 7, Q. 3

2007

Tháng 09/2007, thay đổi vốn điều lệ lần ba (3), tăng thành 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng).

Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số.

2008

Ngày 04/09/2008, ACBS tăng vốn lần thứ tư (4), vốn điều lệ lúc này là 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng).

Trụ sở chính chuyển đến 107N Trương Định, phường 6, quận 3

Đồng thời, nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư được hủy bỏ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2009

Ngày 04/11/2009, ACBS tăng vốn điều lệ lần thứ năm (5), 1.500 tỷ đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng).

Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn, Chính xác, Bảo mật, Sáng tạo.

2010

Kỷ niệm 10 năm thành lập ACBS

Đưa vào sử dụng dịch vụ giao dịch qua Tổng đài điện thoại 1900 555533.

Chuyển đổi phương thức bảo mật từ Chứng chỉ số thành USB Token cho các giao dịch qua Internet.



2011 - 2015

2011

ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như:

- Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất;
- Thực hiện giao dịch tốt nhất;
- Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất;
- Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất;
- Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất.

2012

ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài.

Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.

2013

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch ACBS Trading cho thiết bị di động dùng hệ điều hành iOS.

2014

13/06/2014, ACBS chuyển đổi trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực, Hiệu quả, Hải hòa, Cẩn trọng, Cách tân

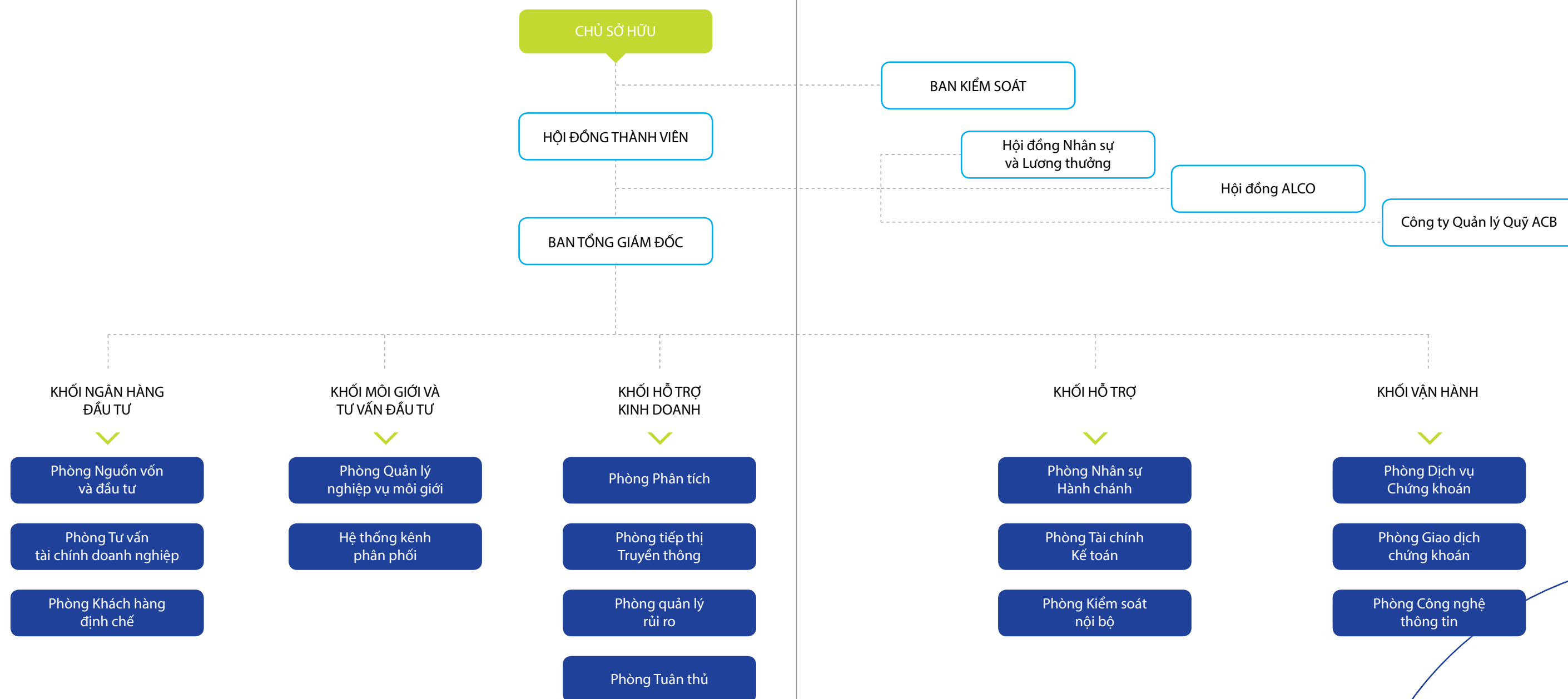
2015

Chính thức vận hành hệ thống giao dịch mới hiện đại, an toàn, bảo mật hơn.

Ra mắt phần mềm giao dịch ACBS Trading cho máy tính bàn, máy tính xách tay và các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android.

Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Bộ máy tổ chức

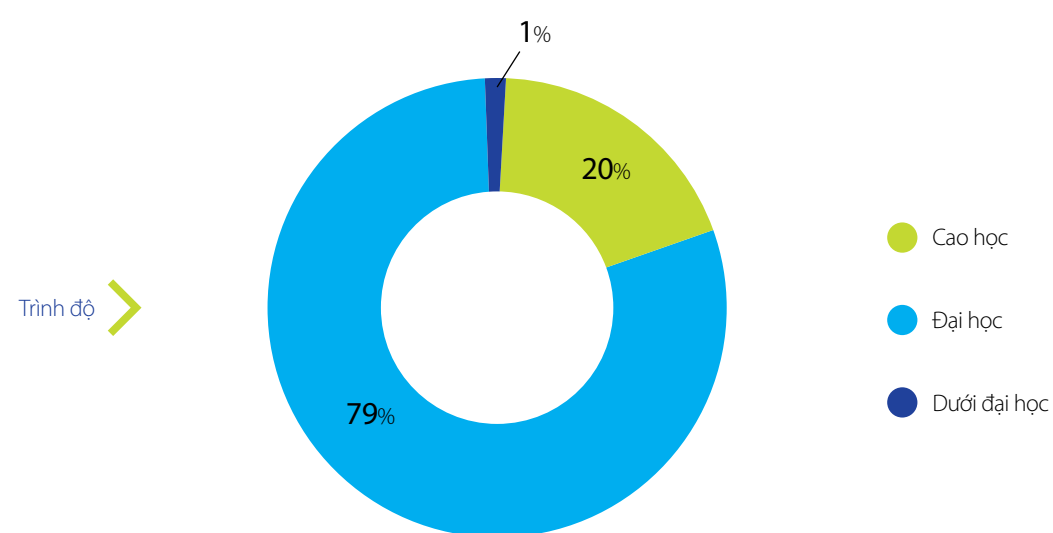


Cơ cấu nhân sự

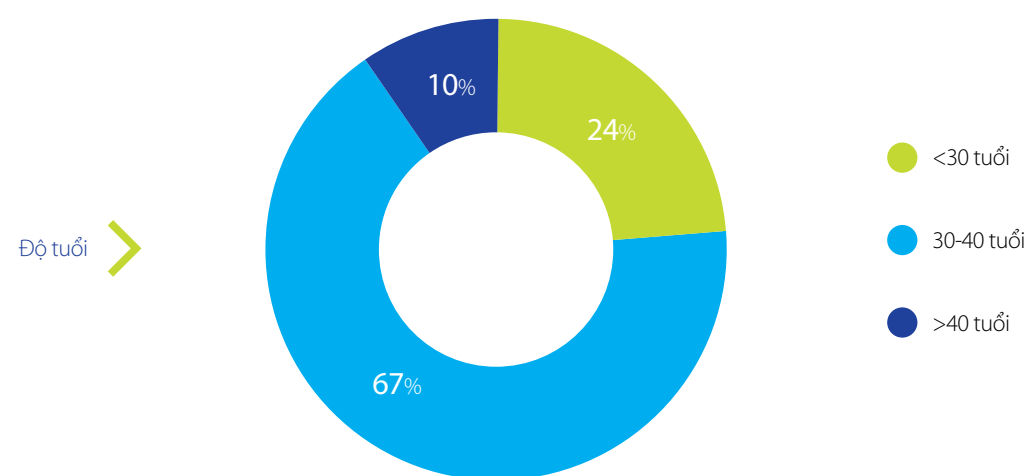
Nguồn nhân lực là tài sản quý giá và đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của ACBS. Chính vì lẽ đó, trong quá trình hình thành và phát triển ACBS không ngừng xây dựng các chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực minh bạch, công bằng, khách quan và cạnh tranh để thu hút và giữ gìn nhân tài nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe nguồn nhân lực trong ngành chứng khoán nói riêng và tài chính nói chung.

ACBS luôn hướng tới việc xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả và thân thiện để tất cả thành viên có điều kiện phát huy năng lực và kiến thức cũng như sở trường của mình, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy tinh thần học hỏi, chia sẻ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong công ty.

Đội ngũ nhân lực ACBS có trình độ chuyên môn cao được đào tạo trong và ngoài nước, có kỹ năng chuyên sâu và có kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực tài chính. Hơn 99% nhân viên ACBS có trình độ Đại học trở lên. Trong đó 20% nhân viên có trình độ thạc sỹ tốt nghiệp các trường danh tiếng trong và ngoài nước.



Nguồn nhân lực ACBS có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, năng động và sáng tạo.



Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số cán bộ, nhân viên của ACBS là 241 người, trong số đó 55% là nữ nhân viên.

Chính sách đãi ngộ và đào tạo

Chính sách đãi ngộ cho nhân viên của ACBS được dựa trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ khách hàng.

Ngoài chính sách lương cơ bản, lương kinh doanh, lương tháng 13, và các khoản thưởng hoàn thành công việc theo hiệu quả hoạt động của cá nhân và đơn vị. ACBS rất chú trọng xây dựng và hoàn thiện chính sách thưởng cạnh tranh để thu hút và giữ gìn nhân tài cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh cũng như toàn thể nhân viên.

Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, ACBS cũng thể hiện sự quan tâm đến đời sống CB-CNV thông qua các khoản phúc lợi khác như: chính sách mua bảo hiểm tai nạn cho

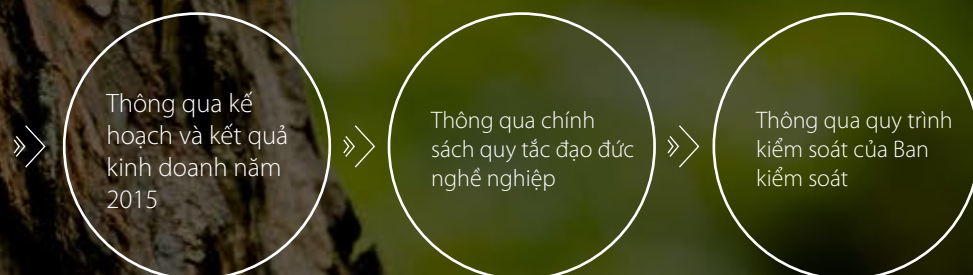
nhân viên, bảo hiểm sức khỏe tự nguyện, khám sức khỏe định kỳ, tiền thưởng nhân dịp các ngày lễ lớn của Quốc gia, Quốc tế phụ nữ 8/3, Quốc tế thiếu nhi 1/6, Trung thu ... hỗ trợ chi phí ăn trưa, cấp phát trang phục làm việc, nghỉ mát hằng năm.

Đặc biệt, ACBS luôn quan tâm sâu sắc đến chính sách đào tạo. Đây là một trong những yếu tố rất quan trọng để phát triển và thu hút nhân tài. Trong năm vừa qua, ACBS đã tăng cường tổ chức cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo các kỹ năng mềm tại Trung tâm đào tạo tập đoàn ACB, các khóa học chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, các chứng chỉ nghiệp vụ có liên quan đến đặc thù công việc của các đơn vị nghiệp vụ trong hệ thống ACBS.

Tính đến 31/12/2015, tổng số nhân viên ACBS có chứng chỉ hành nghề là 180 người, chiếm tỉ trọng 75% toàn thể nhân viên.

Hội đồng thành viên

Trong năm 2015, Hội đồng thành viên đã nhóm họp 6 phiên để xem xét thông qua các chính sách, quy chế và ra các quyết định liên quan hoạt động kinh doanh của ACBS. Các quyết định chủ yếu của Hội đồng thành viên trong kỳ bao gồm:



Ông Andrew Colin Vallis
Chủ tịch HĐQT

Ông Andrew hiện là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngân hàng Á Châu (ACB) từ tháng 04/2013, đại diện cấp cao của Ngân hàng Standard Chartered (Anh). Ông hiện cũng nắm các chức vụ quan trọng khác tại ACB như Chủ tịch Hội đồng Quản lý Rủi ro, Chủ tịch Hội đồng Chiến lược và Phó Chủ tịch Hội đồng Đầu tư.

Tham gia vào ngân hàng Standard Chartered từ năm 2002, ông Andrew Vallis từng nắm giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao tại ngân hàng này như Đồng Chủ tịch Khối Tư vấn Đầu tư Toàn cầu, tại Singapore và lần lượt giữ các vị trí quan trọng khác là Đồng Chủ tịch Khối Ngân hàng Bán sỉ thị trường Châu Âu tại London và là Chủ tịch Toàn cầu Khối Phát triển Kinh doanh và Vốn, tại Hong Kong.

Trước khi gia nhập Standard Chartered, ông là 1 chuyên gia về Thị trường Vốn, Tài chính Doanh nghiệp và Nợ Phái sinh gần 15 năm tại BZW và Barclays Capital tại các thị trường Hong Kong, Singapore và Malaysia.

Ông Andrew tốt nghiệp loại Danh dự chuyên ngành Luật tại Đại học Nottingham, Anh quốc đồng thời được chứng nhận là thành viên của Hiệp Hội Kế toán với PwC, London.



Ông Kollagunta Sreenivasan Gopalswamy
Thành viên

Ông Gopalswamy hiện là Giám đốc Khối Thị trường tài chính tại ngân hàng Á Châu từ 2013, đại diện cấp cao của Ngân hàng Standard Chartered (Anh). Trước đó ông đã từng nắm các chức vụ quan trọng khác tại ACB như Cố vấn Khối Thị trường tài chính (năm 2011-2012).

Tham gia vào ngân hàng Standard Chartered từ năm 2000, ông Gopalswamy từng nắm giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao tại ngân hàng này như Giám đốc Quản lý rủi ro Thị trường phụ trách Khu vực ASEAN (2006-2007), Giám đốc ALM Khối Ngoại hối và nguồn vốn (2004-2005) tại ngân hàng Standard Chartered Hong Kong và Trung Quốc, Giám đốc ALM Khối Ngoại hối và nguồn vốn tại ngân hàng Standard Chartered Ấn Độ (1995-2000).

Trước khi gia nhập Standard Chartered, ông là chuyên gia về thị trường tài chính ngân hàng gần 10 năm tại các ngân hàng quốc tế như ngân hàng ANZ Grinlays, Ấn Độ, ngân hàng American Express Mumbai Ấn Độ.

Ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành quản trị tại Học viện quản trị, Ấn độ.



Các ủy ban trực thuộc Hội đồng thành viên, cũng đã hoạt động tích cực nhằm trợ giúp Hội đồng thành viên trong các lĩnh vực được giao. Cụ thể ủy ban quản lý rủi ro họp định kỳ 02 tháng/lần để xem xét lại các đánh giá, hạn mức rủi ro, đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các biện pháp quản lý rủi ro nhằm bảo đảm hoạt động của ACBS có sự an toàn cao nhất trong tình hình thị trường chứng khoán năm qua có nhiều biến động.



Ông Trần Trọng Kiên
Thành viên

Ông Trần Trọng Kiên tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ thông tin tại Trường ĐH sư phạm Hà Nội và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trường Tổng hợp Hawaii. Ông từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo trong quá trình công tác tại Công ty TNHH du lịch Đồng Đa, Lữ hành Chợ Lớn, Victoria Hotels. Ông được Hội đồng quản trị ACB đề cử và Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh Thành viên HĐQT ngày 26/12/2012. Hiện nay, ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch Thiên Minh.

Ông Trần Trọng Kiên được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT ACBS từ tháng 7/2013 đến nay.



Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên
Thành viên

Bà Như Uyên tốt nghiệp cử nhân Công nghệ thông tin tại trường đại học Monash – Úc và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Melbourne – Úc năm 2008. Bà có 15 năm kinh nghiệm làm việc trong các tổ chức tài chính - ngân hàng.

Bà bắt đầu làm việc vào năm 2001 tại Arthur Andersen với chức vụ chuyên viên tư vấn kinh doanh. Năm 2003, Bà Uyên tham gia KPMG Việt Nam với công việc là chuyên viên tư vấn cao cấp. Từ năm 2004, Bà nắm giữ những vị trí lãnh đạo tại các tổ chức tài chính lớn như Giám đốc đầu tư tại Quỹ Mekong Capital (2004-2006), Giám đốc nghiệp vụ tại Quỹ đầu tư Dragon Capital (2008-2014).

Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên chính thức gia nhập tập đoàn ACB từ 04/2015 với cương vị Giám đốc đầu tư và là thành viên của Hội đồng thành viên ACBS từ 07/2015.



Ông Từ Tiến Phát
Thành viên

Ông Từ Tiến Phát có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Với 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Ông Phát đã đảm nhiệm vị trí quản lý cao tại Ngân hàng ACB. Hiện nay, ông Phát đồng thời giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc ngân hàng ACB và thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Ban Tổng Giám đốc



Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng giám đốc

Ông Trịnh Thanh Cần tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh ngành Tài chính tại Đại học Northridge, bang California, Mỹ, sau đó làm việc tại Tower Asset Management và Ngân hàng Downey Savings từ năm 2000 đến 2003. Ông Cần có 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính Chứng khoán Việt Nam.

Ông Cần bắt đầu sự nghiệp tại Việt Nam vào năm 2003 với Quỹ VinaCapital ở cương vị chuyên viên đầu tư. Năm 2005 ông tham gia vào ngân hàng HSBC với vị trí Giám đốc quan hệ khách hàng của Khối Tập đoàn Đa quốc gia và Định chế tài chính. Từ năm 2007, ông bắt đầu nắm các vị trí quản lý tại các công ty chứng khoán hàng đầu như Giám đốc Phân tích công ty chứng khoán Bản Việt (2007-2011), Giám đốc Điều hành Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp tại công ty chứng khoán HSC từ 2011 đến 03/2015.

Ông Trịnh Thanh Cần được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ACBS từ tháng 06/2015.



Bà Lê Thị Phương Dung
Phó Tổng Giám Đốc

Bà Lê Thị Phương Dung tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế (Trường Đại học Kinh tế TP.HCM), Cử nhân Anh Văn (Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM) và có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Lê Thị Phương Dung có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo ở những vị trí quan trọng tại Ngân hàng ACB.

Với bề dày kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về vận hành trong hệ thống Ngân hàng ACB, hiện nay, Bà Lê Thị Phương Dung đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc ACBS – phụ trách Khối Vận hành và một số đơn vị thuộc Khối Hỗ trợ.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của ACBS đến thời điểm hiện tại có một (01) thành viên là Kiểm soát viên.

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa
Kiểm soát viên

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán Trường Cao cấp Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh và có hơn 21 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện nay cũng đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Các Khối

Khối Môi giới và Tư vấn đầu tư

Khối Môi giới và Tư vấn đầu tư bao gồm hệ thống Kênh phân phối và Phòng Nghiệp vụ môi giới.

Hệ thống Kênh phân phối: là đơn vị trực tiếp kinh doanh, tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý Khách hàng; đồng thời, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đến Khách hàng cá nhân và tổ chức (không bao gồm Định chế tài chính), bao gồm cả nghiệp vụ tư vấn đầu tư, cấp nhật và cung cấp thông tin thị trường, pháp luật cho Khách hàng.

Hệ thống Kênh phân phối tại ACBS hiện gồm 10 đơn vị, trong đó: 01 Sàn Giao dịch Hội sở (đặt tại trụ sở chính), 08 Chi nhánh và 01 Phòng Giao dịch. Hệ thống Kênh phân phối ACBS có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố lớn.

Phòng Nghiệp vụ môi giới: là đơn vị hỗ trợ hoạt động kinh doanh tại Kênh phân phối; đồng thời, trợ giúp Ban Tổng Giám đốc tổ chức, xây dựng và triển khai các chính sách kinh doanh, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới. Ngoài ra, Phòng Nghiệp vụ môi giới còn trực tiếp phát triển và chăm sóc khách hàng qua các kênh giao dịch trực tuyến.

Khối Ngân hàng đầu tư

Khối Ngân hàng đầu tư trực thuộc Hội sở, gồm ba phòng: Phòng Nguồn vốn và đầu tư, Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Phòng Khách hàng định chế.

Phòng Nguồn vốn và đầu tư là một phòng kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ quản lý nguồn vốn, kinh doanh đầu tư trái phiếu và các công cụ phái sinh, kinh doanh và đầu tư cổ phiếu.

Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp là một phòng kinh doanh tại Hội sở thực hiện các nghiệp vụ:

- Tư vấn mua bán và sát nhập doanh nghiệp;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Dịch vụ thu xếp bảo lãnh, tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu;
- Các hoạt động thu xếp và dịch vụ tài chính khác theo quy định.

Phòng Khách hàng định chế là đơn vị kinh doanh tại Hội sở chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ đến khách hàng là các định chế tài chính, cấp nhật và cung cấp thông tin thị trường, pháp luật, chuyên môn cho khách hàng.

Khối Hỗ trợ kinh doanh

Khối Hỗ trợ Kinh doanh được thành lập trong năm 2015 trên cơ sở bốn (4) đơn vị là: Phòng Phân tích, Phòng Quản lý Rủi ro, Phòng Tuân thủ và Phòng Tiếp thị - Truyền thông nhằm hỗ trợ tốt nhất cho kênh phân phối, đặc biệt là hoạt động môi giới chứng khoán. Cùng với hoạt động tái cấu trúc của công ty, khối hỗ trợ kinh doanh được ưu tiên bổ sung nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực trong năm 2015. Vào thời điểm cuối năm 2015,

Về hoạt động Phân tích, đây là đơn vị được bổ sung nguồn lực lớn nhất trong năm 2015 với 12 chuyên viên phân tích phụ trách các chuyên ngành/nhóm cổ phiếu nhằm đem đến cho khách hàng cái nhìn toàn diện và chuyên sâu về thị trường. Tính đến cuối năm 2015, số lượng cổ phiếu ACBS thực hiện phân tích chiếm trên 70% vốn hóa toàn thị trường và đang tiếp tục mở rộng sang các mã có thanh khoản cao nhằm phục vụ nhu cầu thông tin đầu tư của khách hàng.

Về Phòng Quản lý rủi ro, đây là đơn vị chuyên sâu về quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và danh mục ký quỹ của ACBS. Cùng với phòng Tuân thủ, đơn vị này đảm bảo an toàn hoạt động của ACBS đồng thời hỗ trợ kênh phân phối, nhất là hoạt động môi giới, thông qua việc phản ứng nhanh và phù hợp với các yêu cầu của kênh phân phối.

Phòng Tiếp thị - Truyền thông được thành lập cuối quý 3 năm 2015 trên cơ sở sáp nhập bộ phận quản lý thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ chứng khoán trực tuyến và bộ phận Marketing thuộc phòng Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm. Việc thành lập Phòng Tiếp thị - Truyền thông với mục đích tạo lập văn hóa doanh nghiệp văn minh, hiện đại, tăng cường xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp – chính trực của ACBS trên các kênh truyền thông trong và ngoài nước nhằm củng cố thương hiệu và gián tiếp hỗ trợ kênh phân phối cũng như khối Ngân hàng đầu tư.

Trong năm 2016, cùng với chiến lược kinh doanh chung của công ty, Khối Hỗ trợ Kinh doanh tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, bổ sung nguồn lực, đa dạng hóa sản phẩm nhằm hỗ trợ tốt nhất cho kênh phân phối, mở rộng hoạt động hỗ trợ khách hàng định chế, tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động và nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của ACBS trong lòng khách hàng.

Khối Vận hành

Bao gồm phòng Dịch vụ chứng khoán, phòng Giao dịch chứng khoán và Phòng CNTT. Cơ cấu tổ chức của mỗi phòng được chia thành hai (2) bộ phận :

- Bộ phận Quản lý hệ thống
- Bộ phận Tác nghiệp.

Đây là các phòng chức năng tại hội sở, có trách nhiệm tổ chức, quản lý và hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán, vận hành giao dịch cho tất cả các đơn vị của công ty; đồng thời tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch, chiến lược phát triển công nghệ thông tin phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của công ty.

Chức năng nhiệm vụ chính của Khối là chỉ đạo, tổ chức và giám sát hoạt động vận hành tất cả các đơn vị của ACBS, nhằm đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả an toàn, chính xác, phù hợp với quy định của pháp luật, của ngành và của công ty.

Thị trường chứng khoán năm 2015 liên tục đón nhận các thay đổi mới như : triển khai các chỉ số mới của HOSE, HNX; thực hiện lưu ký, bù trừ, hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF; vay và cho vay chứng khoán qua cổng kết nối điện tử; đăng ký mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài qua cổng kết nối điện tử; thay đổi chu kỳ thanh toán T+2, toàn bộ quy trình vận hành sản phẩm đều được xây dựng mới, cập nhật kịp thời, hệ thống giao dịch xây dựng chỉnh sửa nhanh chóng, đảm bảo việc thực hiện đúng tiến độ triển khai của các Sở và Trung tâm lưu ký chứng khoán và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Cùng với sự đầu tư đổi mới nâng cấp của hệ thống CNTT, các tiện ích đặt lệnh trên các kênh giao dịch tại quầy và từ xa đều được cải thiện đáng kể, việc xử lý các dữ liệu giao dịch ngày càng nhanh chóng, chính xác và hiệu quả hơn. Việc đối chiếu số dư lưu ký được thực hiện định kỳ hàng tháng, đảm bảo việc quản lý số dư chính xác, an toàn và bảo mật.

Khối Hỗ trợ

Bao gồm Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Nhân sự và Hành chính, Phòng Kiểm soát nội bộ.

Phòng Tài chính Kế toán: là một phòng chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tham mưu, tổ chức vận hành, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ tài chính kế toán theo quy định của Công ty, ACB và theo quy định hiện hành của pháp luật.

Phòng Nhân sự và Hành chính: là một phòng chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến chiến lược quản trị nguồn nhân lực nhằm hỗ trợ thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty; tham mưu và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến quản trị hành chánh của hệ thống, công tác phát triển vật chất, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc và các công việc có liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Phòng Kiểm soát nội bộ: là một phòng chức năng tại Hội sở, chịu trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện việc kiểm tra tính tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các quy trình nội bộ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc, góp phần đảm bảo hoạt động của ACBS an toàn, hiệu quả và tuân thủ đúng pháp luật.

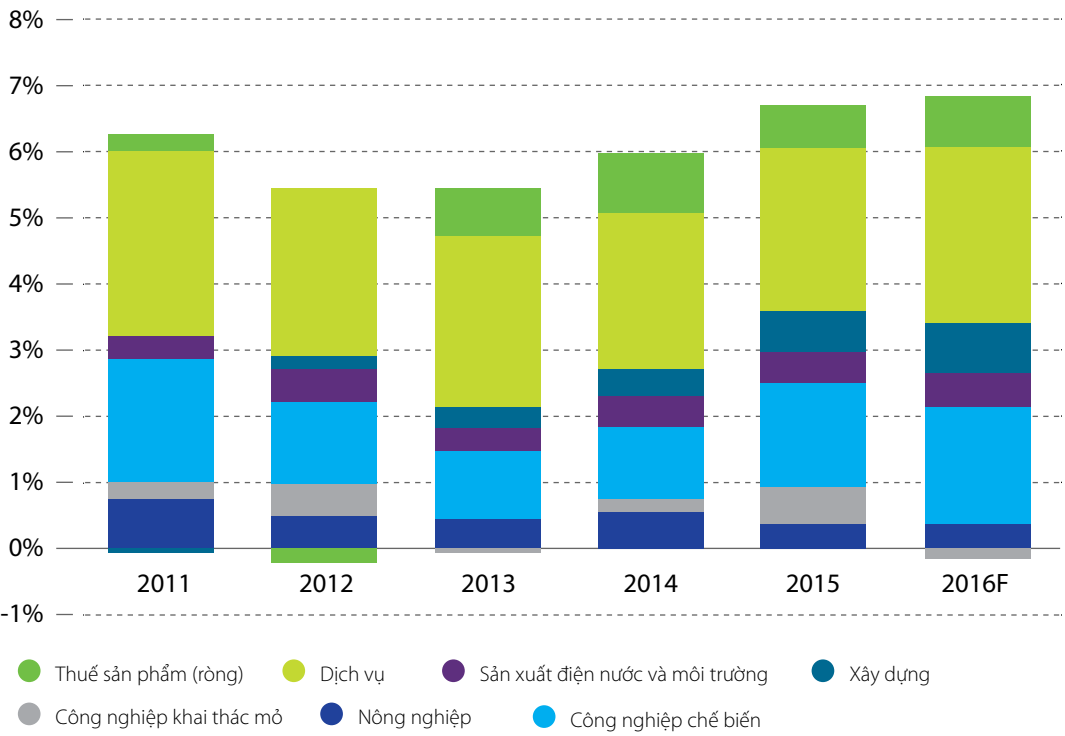
TỔNG KẾT KINH TẾ VIỆT NAM 2015 VÀ TRIỂN VỌNG 2016

Báo cáo kinh tế 2015

Tăng trưởng GDP 2015 là một trong những điểm sáng của kinh tế Việt Nam trong năm 2015 với mức tăng 6,7%, cao nhất trong 5 năm trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu suy giảm. Tăng trưởng GDP 2015 được đánh giá cao cả về lượng và chất khi mà nhóm ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đều có mức tăng trưởng tốt cho thấy cơ cấu tăng trưởng tiếp tục chuyển biến

tích cực. Tuy nhiên, tăng trưởng 2015 tốt hơn dự kiến còn là do đẩy mạnh khai thác dầu khí trong bối cảnh giá dầu giảm mạnh và ngân sách gặp khó khăn. Nếu loại trừ yếu tố này, tăng trưởng GDP 2015 sẽ ở mức 6,4-6,5%, cao hơn kế hoạch năm là 6,2% và tương đương với kỳ vọng của chính phủ.

Tăng trưởng GDP và đóng góp của ngành kinh tế

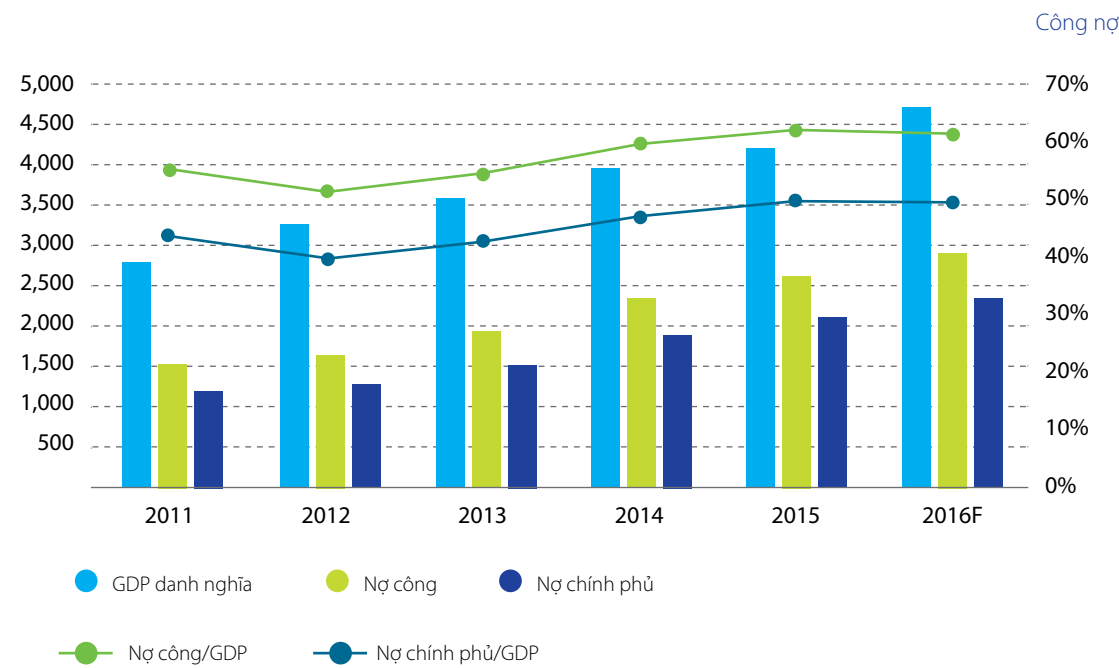


	2011	2012	2013	2014	2015	2016F
Nông Lâm Nghiệp	0.8%	0.5%	0.5%	0.6%	0.4%	0.4%
Công nghiệp khai thác mỏ	0.3%	0.5%	0.0%	0.2%	0.5%	-0.2%
Công nghiệp chế biến	1.8%	1.3%	1.0%	1.1%	1.6%	1.8%
Sx điện nước và môi trường	0.4%	0.5%	0.3%	0.4%	0.5%	0.5%
Xây dựng	0.0%	0.2%	0.3%	0.4%	0.6%	0.7%
Dịch vụ	2.8%	2.5%	2.5%	2.4%	2.4%	2.7%
Thuế sản phẩm (ròng)	0.3%	-0.2%	0.7%	0.9%	0.6%	0.7%

Giá dầu và giá hàng hóa tiếp tục giảm sâu tạo điều kiện cho Việt Nam ổn định kinh tế vĩ mô, nhất là lạm phát. Trong bối cảnh giá dầu giảm hơn 50% về khoảng 40 USD/thùng vào cuối năm 2015, lạm phát cả nước chỉ là 0,63%, thấp nhất trong nhiều năm. Với lạm phát giảm, mặt bằng lãi suất cũng được giảm nhẹ xuống mức thấp nhất trong 5 năm dù tăng trưởng tín dụng đã tăng mạnh lên mức 18%. Trong bối cảnh lãi suất và giá hàng hóa giảm, việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp khá thuận lợi nhưng lợi nhuận của doanh nghiệp chưa có cải thiện lớn do lợi nhuận của phần lớn doanh nghiệp giảm do tác động của giá hàng tồn kho. Tất nhiên, các doanh nghiệp trong lĩnh vực khai khoáng và sản xuất hàng hóa cơ bản bị tác động nhiều nhất từ diễn biến này.

Dù lợi nhuận doanh nghiệp không tăng trưởng mạnh, doanh nghiệp và người tiêu dùng khá lạc quan về tình hình kinh tế trong nước. Theo Tổng cục thống kê, 34,3% doanh nghiệp dự kiến sẽ tăng quy mô lao động (tập trung ở nhóm doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân) và 42,2% doanh nghiệp dự kiến tăng quy mô sản xuất trong năm 2016 trong khi chỉ có dưới 10% doanh nghiệp dự kiến thu hẹp hoạt động. Về phía người tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm/GDP giảm xuống 26,9%, mức thấp nhất kể từ sau giai đoạn phát triển ổn định 2000-2009 và cho thấy niềm tin người tiêu dùng đã trở lại. Ngoài ra, người dân cũng đã tự tin hơn vào môi trường đầu tư nên đã đầu tư hơn 50% thu nhập của mình (kể cả kiều hối) vào các kênh đầu tư khác ngoài tiền gửi tiết kiệm. Đứng ở mức độ nền kinh tế, sự tự tin của doanh nghiệp và người dân này là tín hiệu tích cực và hiếm thấy trong

bối cảnh kinh tế toàn cầu hiện nay. Tuy nhiên, bức tranh kinh tế 2015 cũng không chỉ toàn màu hồng khi mà độ mở của nền kinh tế ngày càng cao và tác động từ các yếu tố bất lợi bên ngoài ngày càng sâu rộng. Tháng 8/2015 khi Trung Quốc đột ngột phá giá đồng Nhân dân tệ, tỷ giá USD/VND đã phải điều chỉnh mạnh nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam so với Trung Quốc và thị trường ngoại hơ đột nhiên biến động mạnh sau nhiều năm ổn định. Dù mất giá 5,2% so với USD trong năm 2015, đồng VND vẫn là một trong những đồng tiền “mạnh” nhất trong khu vực do đồng USD tăng mạnh so với hầu hết các ngoại tệ khác. Biến động tỷ giá cũng khiến tâm lý tích lũy USD tăng lại trong những tháng cuối năm khiến dự trữ ngoại hối của Việt Nam giảm lần đầu trong 3 năm qua và gây lo ngại về khả năng biến động vĩ mô sẽ quay lại sau nhiều năm ổn định.



Ngoài vấn đề tỷ giá, nợ công cũng là vấn đề đáng lo ngại trong năm 2015. Mặc dù kinh tế tăng trưởng tốt nhưng lạm phát thấp và việc phá giá đồng nội tệ đã khiến quy mô kinh tế đo bằng USD thấp nhất trong nhiều năm.

Trong bối cảnh đó, dù cố gắng kiểm soát chi tiêu công, nợ công/GDP vẫn tăng lên mức cao kỷ lục, 61,3% (theo báo cáo của chính phủ) và gây lo ngại cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Đánh giá triển vọng 201 6

Triển vọng tăng trưởng 2016 của Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm sáng của kinh tế toàn cầu với mức tăng trưởng dự kiến 6,7%, thuộc nhóm cao nhất thế giới. Mặc dù mức tăng trưởng dự kiến không tăng mạnh, cơ cấu tăng trưởng dự kiến sẽ có bước chuyển biến rõ ràng với mức tăng trưởng âm của ngành khai khoáng và tăng trưởng cao của nhóm ngành chế biến chế tạo, xây dựng, điện nước và dịch vụ. Ngoài ra, với lạm phát dự kiến sẽ tăng mạnh lên mức 3-5% và điều chỉnh tỷ giá chỉ ở mức 2-3%, quy mô nền kinh tế đo bằng USD dự kiến sẽ tăng mạnh hơn nhiều so với năm 2015.

Tuy nhiên, mặt trái của tốc độ tăng trưởng này là cán cân thương mại dự kiến sẽ thâm hụt nhẹ lần đầu tiên trong nhiều năm thặng dư. Tuy nhiên, với việc FDI giải ngân dự kiến sẽ tăng 10% lên mức 16 tỷ USD và nguồn kiều hối vẫn ổn định cùng với các chính sách chống đô la hóa đúng đắn của NHNN, cán cân tổng thể dự kiến vẫn thặng dư và dự trữ ngoại hối có thể tăng lại lên 35 tỷ USD vào thời điểm cuối năm. Đây là cơ sở quan trọng để đảm bảo ổn định vĩ mô trong trung hạn của Việt Nam.

Trong năm 2016, tác động từ các yếu tố bên ngoài, nhất là bất ổn của Trung Quốc, giá dầu thấp và khả năng tăng lãi suất của FED vẫn sẽ ảnh hưởng sâu rộng tới Việt Nam nhưng mức độ ảnh hưởng có thể không cao như lo ngại của nhà đầu tư. Liên quan đến Trung Quốc, việc kinh tế Trung Quốc suy giảm tăng trưởng với chi phí lao động tăng cao, nợ xấu của nền kinh tế bùng nổ và đóng cửa các nhà máy sản xuất thua lỗ, có thể là cơ hội phát triển với kinh tế Việt Nam khi mà lợi thế cạnh tranh của Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng. Tuy nhiên, lo ngại lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc có thể “xuất khẩu bất ổn” của mình thông qua việc phá giá đồng Nhân dân tệ và gây thêm căng thẳng trên Biển Đông. Khác với các nhận định khác, chúng tôi không đánh giá cao khả năng phá giá Nhân dân tệ vì điều này có thể không hề giúp Trung Quốc cải thiện lợi thế cạnh tranh như dự kiến.

Về giá dầu, năm 2016 Việt Nam sẽ chứng kiến đẩy đủ màu đen và vị đắng của giá dầu do giá bán dầu trung bình năm 2015 vẫn ở mức 54USD/thùng, cao hơn giá hiện tại 50%. Các đơn vị trong ngành có thể sẽ ghi nhận lợi nhuận âm lần đầu tiên trong nhiều năm và gây sốc cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, tác động của việc giá dầu giảm tới ngân sách và nền kinh tế có thể sẽ không lớn như năm 2015 và đã được tiên liệu tốt hơn trong kịch bản của Bộ Tài Chính.

Về khả năng tăng lãi suất của FED, chúng tôi đánh giá nếu chính sách tỷ giá Trung tâm của NHNN được điều hành thực sự linh hoạt và dỡ bỏ tâm lý đầu cơ, tỷ giá có thể sẽ không bị ảnh hưởng quá lớn. Trên thực tế, dù không công bố, NHNN vẫn đang ưu tiên ổn định tỷ giá hơn lãi suất và Việt Nam là một trong rất ít các quốc gia trên thế giới có lãi suất đang tăng nhẹ và có chính sách tiền tệ cẩn trọng nhất. Trong bối cảnh đó, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng chỉ ở mức 15-17% nhưng chất lượng tăng trưởng tín dụng sẽ tốt hơn khi mà nguồn vốn tín dụng sẽ được tập trung nhiều hơn cho sản xuất thay vì bất động sản như năm 2015. Ngoài ra, với mức tăng trưởng tín dụng này, thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn sẽ dồi dào và lãi suất dự kiến chỉ tăng nhẹ so với mặt bằng hiện tại và mức tăng lãi suất sẽ tập trung ở các khoản vay dài hạn và rủi ro (như bất động sản và chứng khoán).

Trong bối cảnh đó, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng 2016 sẽ khá ổn định. Trong đó, ngành hàng tiêu dùng, xây dựng và sản xuất nói chung sẽ được hưởng lợi nhiều nhất. Ngoài ra, việc giá hàng hóa ngừng giảm cũng sẽ khiến lợi nhuận doanh nghiệp và thu nhập của người dân được tăng khá trong năm nay.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ACBS NĂM 2015

Tiếp tục tập trung vào hoạt động tái cơ cấu cả về tài chính lẫn hoạt động, năm 2015 không phải là năm ACBS gây ấn tượng về kết quả kinh doanh và thị phần. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của ACBS giảm 24% xuống 282 tỷ đồng trong năm 2015. Trong đó, doanh thu môi giới đóng góp tới 52% mức giảm doanh thu do giá trị giao dịch toàn thị trường giảm mạnh và thị phần môi giới của ACBS giảm trên cả hai sàn. Ngoài ra, doanh thu khác, chủ yếu là lãi dư nợ giao dịch ký quỹ, giảm 13% và chiếm 28% mức giảm chung chủ yếu là do mật bằng lãi suất trong năm giảm mạnh. Doanh thu đầu tư cũng giảm 18 tỷ đồng do thu hẹp hoạt động đầu tư trong khi hoạt động khác, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp và lưu ký chứng khoán đều có mức tăng nhẹ nhưng tác động không đáng kể đến kết quả kinh doanh chung.

Lợi nhuận trước thuế của ACBS cũng giảm mạnh từ mức 319 tỷ trong năm 2014 xuống mức 124 tỷ chủ yếu là do không còn lợi nhuận/thu nhập bất thường từ hoạt động đầu tư như trong năm 2014. Cụ thể, hoạt động đầu tư mang đến 27 tỷ lợi doanh thu đầu tư và 226 tỷ hoàn nhập dự phòng trong năm 2014 trong khi lợi nhuận đầu tư năm 2015 chỉ có 9 tỷ và tiếp tục trích lập dự phòng 15 trong năm 2015. Nếu loại trừ tác động của hoạt động đầu tư, lợi nhuận trước thuế của ACBS giảm khoảng 25% chủ yếu là do doanh thu môi giới và mật bằng lãi suất cùng giảm.

Với những tích lũy về nguồn lực đã thực hiện trong năm 2015, ACBS định hướng hoạt động 2016 với việc đẩy mạnh hoạt động môi giới, tăng cường nguồn thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư ngắn hạn. Về hoạt động môi giới, ACBS tập trung đào tạo nhân viên, cải tiến chính sách hoa hồng môi giới, cải tiến chính sách quản lý danh mục ký quỹ và tăng cường tiếp cận khách hàng mới và hướng tới việc phục hồi thị phần môi giới trong năm 2016. Về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, ACBS tiếp tục tăng cường năng lực hoạt động để tận dụng cơ hội cổ phần hóa doanh nghiệp và phát triển thị trường trong năm 2016. Hoạt động đầu tư dự kiến tập trung vào các khoản đầu tư tiềm năng, có thanh khoản cao trên thị trường niêm yết hoặc OTC với tỷ trọng nhỏ so với bảng cân đối tài sản của ACBS nhằm đảm bảo quản trị rủi ro. Với các chiến lược như trên, ACBS dự kiến lợi nhuận tăng trưởng 70 -100% so với thực hiện 2015.

Hoạt động môi giới

Trong năm 2015, hoạt động môi giới tại ACBS gặp rất nhiều khó khăn do biến động về nhân sự, thay đổi hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán và quan trọng hơn hết chính là sự cạnh tranh từ các Công ty chứng khoán khác về chính sách sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng.

Trong năm 2015, ACBS đã phát triển thêm 1,519 Khách hàng. Như vậy, đến 31/12/2015, ACBS quản lý hơn 79,000 tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán, chiếm 5% số lượng tài khoản toàn thị trường.

Thị phần môi giới ACBS năm 2015 đạt 4.3% (trong đó khách hàng định chế nước ngoài đóng góp 9.23% trong tổng thị phần môi giới của ACBS và đạt 4.3% trong tổng giá trị giao dịch của khách hàng nước ngoài trên toàn thị trường), dư nợ ký quỹ tại ngày 31/12/2015 là 1,384 tỷ tăng 25.9% so với cùng kỳ năm 2014.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, ACBS đã không ngừng đổi mới, cải tiến và hoàn thiện hơn:

- Hệ thống phần mềm giao dịch được đổi mới từ tháng 04/2015, cung cấp cho Khách hàng thêm nhiều tiện ích, nhiều kênh giao dịch trực tuyến với tốc độ xử lý nhanh hơn hệ thống cũ rất nhiều.
- Danh mục chứng khoán ký quỹ được quản trị rủi ro tốt, tỷ lệ tài trợ cao và linh hoạt theo từng đối tượng Khách hàng.
- Chính sách ưu đãi lãi, phí được xây dựng và áp dụng cho tất cả các Khách hàng.
- Bản tin thị trường, Báo cáo phân tích được cập nhật hàng ngày cho Khách hàng. Ngoài ra, ACBS còn tổ chức các buổi hội thảo định kỳ, chuyên viên Phân tích trực tiếp gặp gỡ Khách hàng và đưa ra các khuyến nghị giúp Khách hàng quyết định đầu tư hiệu quả hơn.

Những nỗ lực nêu trên đã giúp ACBS thu về 101.56 tỷ doanh thu từ hoạt động môi giới và 140 tỷ doanh thu lãi cho vay ký quỹ. Các Kênh phân phối đều hoạt động hiệu quả và có lợi nhuận.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp (TVTCĐN)

Trong năm 2015, ACBS đã triển khai gần bốn mươi (40) hợp đồng tư vấn có nội dung đa dạng bao gồm tư vấn thu xếp tài chính (vốn cổ phần, trái phiếu, nợ vay), tư vấn bán đấu giá, tư vấn M&A, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn khác. ACBS tiếp tục phấn đấu để trở thành một trong những Ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.

ACBS – Tổ chức tài chính trung gian đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp.

Hoạt động thu xếp vốn là một trong những thế mạnh của ACBS: với hệ thống khách hàng định chế rộng lớn và sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ - ACB, ACBS tiến hành các đợt thu xếp vốn qua nhiều hình thức khác nhau cho các khách hàng có nhu cầu về vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu tài chính. Trong năm 2015, ACBS đã thu xếp thành công 200 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp cho khách hàng và ACBS.

ACBS – Nhà tư vấn chuyên nghiệp và hiệu quả.

Trên cơ sở nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm dày dặn trên thị trường chứng khoán, ACBS luôn nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng với tư cách là **Cộng sự đắc lực và hiệu quả**.

Tư vấn bán đấu giá cổ phần: Năm 2015, ACBS đã tư vấn định giá và bán đấu giá phần vốn Nhà nước do các Tổng Công ty Nhà nước (như SCIC, Sabeco, HUD) đại diện sở hữu tại nhiều doanh nghiệp bao gồm: Ngân hàng TMCP Đông Á, CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông (PDC), CTCP PVI (PVI), CTCP Xe khách và Dịch vụ Thương mại Đà Nẵng, CTCP Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ, CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt, CTCP Sài Gòn Rạch Giá, CTCP In Nông Nghiệp, CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II (HEC II), CTCP Thông tin và Thẩm định giá miền Nam (SIVC), CTCP XNK Đồng Tháp Mười, CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Hà Nội Số 5, CTCP Sành sứ thủy tinh Việt Nam, CTCP In và Phát hành sách Lâm Đồng. Kết quả khả quan này đã góp phần khẳng định năng lực của ACBS trong việc tổ chức và thu hút nhà đầu tư đến với các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Tư vấn mua bán, thầu tóm, sát nhập (M&A): Năm 2015, ACBS đã tư vấn cho Công ty TNHH Canpac Việt Nam (thuộc sở hữu của Canpac Sdn Bhd, Malaysia) trong việc tiến hành mua công ty khác trong cùng ngành.

Tư vấn đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung và mua cổ phiếu quỹ: Năm 2015, ACBS đã tư vấn thành công cho các công ty như CTCP May Việt Tiến, CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi (CIDICO), CTCP Thương mại XNK Thiên Nam.

Dự án tiêu biểu năm 2015

- 

● **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI**

Tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- 

● **CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST**

Tư vấn xác định giá trị và chuyển đổi hình thức doanh nghiệp
- 

● **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

Tư vấn định giá và bán đấu giá cổ phần tại các doanh nghiệp:

 - CTCP Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ
 - CTCP Sài Gòn Rạch Giá
 - CTCP In Nông Nghiệp
 - CTCP Xe khách và Dịch vụ Thương mại Đà Nẵng
 - CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
 - CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II (HEC II)
 - CTCP Thông tin và Thẩm định giá miền Nam
 - CTCP XNK Đồng Tháp Mười
 - CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Hà Nội Số 5
 - CTCP Sành sứ thủy tinh Việt Nam
 - CTCP In và Phát hành sách Lâm Đồng

- 

● **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SABECO)**

Tư vấn bán đấu giá cổ phần tại các doanh nghiệp:

 - Ngân hàng TMCP Đông Á
 - CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông (PDC)
 - CTCP PVI (PVI)
- 

● **CTCP MAY VIỆT TIẾN**

Tư vấn đăng ký giao dịch UPCOM
- 

● **CTCP THƯƠNG MẠI – XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Tư vấn chào mua công khai cổ phiếu TNA
- 

● **CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI CỬ CHI**

Tư vấn đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung

Năm 2016

ACBS tiếp tục khẳng định vai trò là tổ chức tài chính trung gian đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp; đồng thời nâng tầm hoạt động tư vấn tái cấu trúc, M&A và các dịch vụ tài chính doanh nghiệp như niêm yết, phát hành thêm, cổ phần hóa, bán đấu giá....

Năm 2016 sẽ là năm bùng nổ của việc đăng ký giao dịch Upcom. ACBS đặc biệt tập trung vào những công ty đã cổ phần hóa năm 2014, 2015 để tìm kiếm nhu cầu đăng ký Upcom của các khách hàng tiềm năng. Điều này không chỉ giúp việc tạo thêm phí cho hoạt động TVTCDN mà còn tạo thêm một lượng khách hàng lớn cho kênh phân phối.

Năm 2016 cũng là năm chạy nước rút trong việc thoái vốn của DNNN (các tổng công ty, các tập đoàn, các công ty thuộc Bộ ...). Phòng TVTCDN sẽ tập trung vào những đơn vị này để cung cấp các dịch vụ tư vấn thoái vốn.

Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính cùng với mạng lưới nhà đầu tư rộng lớn, ACBS vững tin sẽ tạo nên các giá trị cộng thêm cho khách hàng; đồng thời, khẳng định sự đồng hành cùng các doanh nghiệp trong vai trò nhà tư vấn chuyên nghiệp và hiệu quả.

Hoạt động tự doanh

Đối với hoạt động tự doanh, trong năm 2015 ACBS tập trung chủ yếu vào kiện toàn bộ máy nhân sự, hoàn thiện quy trình thông qua xây dựng quy chế chuẩn cho toàn bộ hoạt động đầu tư, đồng thời xây dựng kế hoạch và chiến lược nhằm đón đầu các cơ hội từ thị trường trong vòng 3-5 năm tới. Ngoài ra, ACBS đã thực hiện sắp xếp phân loại lại các khoản đầu tư hiện có trong danh mục và giải ngân thêm một vài khoản đầu tư mới, chủ yếu vào các doanh nghiệp cổ phần hóa.

Với những bước chuẩn bị về cơ bản đã được hoàn tất, và trên cơ sở nhận định thị trường năm tới sẽ tiếp tục có những cơ hội đầu tư tốt, ACBS xác định năm 2016 sẽ là năm bản lề triển khai thực hiện các chiến lược và kế hoạch đầu tư đã đề ra. Cụ thể, Công ty sẽ tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết và sắp niêm yết bị định giá thấp hơn giá trị nội tại, đồng thời tìm kiếm cơ hội thoái vốn ở những khoản đầu tư đã thực hiện trước đây, nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận đã đề ra cho năm 2016. Ngoài ra, ACBS sẽ tiếp tục tìm kiếm phân tích các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp cổ phần hóa, các công ty tư nhân hoạt động hiệu quả và có tiềm năng tăng trưởng trong tương lai, nhằm bổ sung vào danh mục đầu tư dài hạn của Công ty.

Các hoạt động đầu tư tại ACBS, dù ngắn hạn hay dài hạn, sẽ luôn được tiến hành dựa trên sự phân tích, nghiên cứu chuyên sâu và cẩn trọng, cùng với chế độ kiểm soát, báo cáo, và chính sách quản lý rủi ro được thực hiện một cách chặt chẽ. Đồng thời, tính hiệu quả luôn được đặt lên hàng đầu, với mục tiêu lợi nhuận ở mức bằng hoặc cao hơn chi phí vốn chủ sở hữu của Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro

Được thành lập từ năm 2010, Phòng Quản Lý Rủi Ro (QLRR) là bộ phận chuyên trách giám sát, đo lường và đánh giá mức độ rủi ro của các sản phẩm, dịch vụ và hệ thống tại ACBS theo các quy định nội bộ và các cơ quan hữu quan như Bộ Tài Chính, Ủy Ban Chứng Khoán và hai Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Các hoạt động quản trị rủi ro tại ACBS được Phòng QLRR triển khai trên toàn hệ thống ACBS dựa trên các chính sách quản trị rủi ro bao gồm chính sách quản trị rủi ro thị trường, chính sách quản trị rủi ro thanh khoản, chính sách quản trị rủi ro thanh toán và chính sách quản trị rủi ro hoạt động. Phòng QLRR định kỳ tiến hành đề xuất cập nhật và cải tiến các chính sách, quy trình, hạn mức nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và đáp ứng tình hình hoạt động của công ty.

Trong năm 2015, Phòng QLRR đã ban hành Kế hoạch đảm bảo kinh doanh liên tục nhằm đảm bảo ACBS có khả năng thực hiện các hoạt động kinh doanh trọng yếu trong trường hợp có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho nhân viên, khách hàng và hạn chế tổn thất về vật chất cho ACBS trong khoảng thời gian

ngắn nhất. Đồng thời, Phòng Quản Lý Rủi Ro thường xuyên báo cáo tình hình quản trị rủi ro lên Tổng giám đốc để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro; đề xuất cho Tổng Giám Đốc, Ủy Ban Quản Trị Rủi Ro ACBS và Hội Đồng Thành viên ACBS các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

Năm 2016, phòng QLRR tiếp tục xây dựng các nguyên tắc quản trị rủi ro, các hạn mức liên quan đối với các sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán như giao dịch trong ngày và chứng khoán phái sinh. Đồng thời, phòng QLRR sẽ thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và các mẫu báo cáo mới theo quy định sửa đổi của Thông tư 210 vừa được ban hành vào tháng 01/2016 nhằm đảm bảo ACBS có hệ thống quản trị rủi ro chặt chẽ, phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của công ty cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật.

Phát triển công nghệ thông tin (CNTT)

Hệ thống giao dịch, hạ tầng công nghệ tiên tiến, hiệu quả và có hiệu suất cao là một trong những yếu tố quan trọng nhất đối bất kỳ tổ chức dịch vụ tài chính hiện đại nào, đặc biệt là các dịch vụ liên quan đến thị trường chứng khoán.

Năm 2015 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lộ trình hiện đại hóa công nghệ của ACBS, đó là chuyển đổi hệ thống giao dịch chứng khoán tự phát triển lên hệ thống mới chuyên nghiệp, hiện đại, thay thế hệ thống cũ đã sử dụng gần mười (10) năm. Đây là cơ sở vững chắc cho ACBS phát triển các sản phẩm, dịch vụ và tiện ích mới cho khách hàng. ACBS cũng hoàn thành giai đoạn một việc nâng cấp chương trình giao dịch chứng khoán trực tuyến trên web và phần mềm giao dịch chứng khoán trên các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành iOS và Android.

Cũng trong năm 2015, phòng CNTT của ACBS cũng đã hoàn thành một số dự án cho khối Kinh doanh cũng như khối Hỗ trợ, và đang trong giai đoạn đánh giá, sắp xếp thực hiện những thay đổi cần thiết để đảm bảo mức độ phù hợp và an toàn hạ tầng CNTT cho công ty, nhằm đảm bảo tối ưu hóa các nguồn lực CNTT và tính liên tục cho hệ thống giao dịch.

Những tháng cuối năm 2015, phòng CNTT phối hợp cùng phòng KSNB bắt đầu dự án thiết kế, sắp xếp và máy tính hóa các quy trình nội bộ giúp hoạt động kiểm soát nội bộ giảm thiểu nguy cơ không tuân thủ và lỗi do con người, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động vào cuối quý 1/2016.

ACBS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Chứng khoán ACB Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	4104000006	ngày 30 tháng 6 năm 2000
	4104000006	ngày 13 tháng 9 năm 2005
	4104000006	ngày 30 tháng 5 năm 2006
	4104000006	ngày 13 tháng 12 năm 2006
	Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Hội đồng Thành viên	Ông Adrew Colin Vallis	Chủ tịch
	Ông Từ Tiến Phát	Thành viên (từ ngày 27 tháng 7 năm 2015)
	Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên (từ ngày 27 tháng 7 năm 2015)
	Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
	Ông Gopalaswamy	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Bá Dũng	Thành viên (đến ngày 27 tháng 7 năm 2015)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trịnh Thanh Cần	Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 6 năm 2015)
	Ông Phạm Phú Khởi	Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 6 năm 2015)
	Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính	41 Mạc Đĩnh Chi Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Chi nhánh Chợ Lớn	747 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Chi nhánh Trương Định	107N Trương Định Phường 6, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội	10 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm Hà Nội Việt Nam
Chi nhánh Hải Phòng	15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
Chi nhánh Khánh Hòa	80 Quang Trung, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	111 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



Ông **Trịnh Thanh Cẩn**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 14-01-290/5

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 150) 100	100		1.787.822.443.407	2.059.901.222.754
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	257.114.584.741	515.709.414.817
Tiền	111		120.114.584.741	515.709.414.817
Các khoản tương đương tiền	112		137.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	143.468.807.529	421.842.622.998
Đầu tư ngắn hạn	121		146.045.514.506	424.816.718.250
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.576.706.977)	(2.974.095.252)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.381.843.870.036	1.121.024.508.034
Phải thu của khách hàng	131		9.979.536	-
Trả trước cho người bán	132		550.754.440	7.212.929.400
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	1.793.101.204	1.769.118.988
Các khoản phải thu khác	138	9	1.380.724.139.712	1.112.217.159.086
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(1.234.104.856)	(1.223.429.440)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.395.181.101	1.324.676.905
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		975.182.323	974.532.823
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.684.129.741	338.395.082
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2.493.854.037	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		242.015.000	11.749.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN				
(200 = 220 + 250 + 260)	200		288.452.010.186	209.151.716.050
Tài sản cố định	220		62.667.267.956	53.376.747.653
Tài sản cố định hữu hình	221	11	50.185.839.194	52.939.929.223
Nguyên giá	222		88.874.267.021	86.447.618.430
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.688.427.827)	(33.507.689.207)
Tài sản cố định vô hình	227	12	501.405.957	436.818.430
Nguyên giá	228		3.440.545.796	3.123.445.796
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.939.139.839)	(2.686.627.366)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	11.980.022.805	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	189.526.622.500	135.909.083.124
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		235.366.012.860	-
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		183.366.012.860	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày	255		52.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	150.094.515.860
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.839.390.360)	(14.185.432.736)
Tài sản dài hạn khác	260		36.258.119.730	19.865.885.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.754.450.630	1.172.428.070
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	15	20.000.000.000	18.144.000.003
Tài sản dài hạn khác	268	16	503.669.100	549.457.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.076.274.453.593	2.269.052.938.804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		288,043,961,254	577,166,550,341
Nợ ngắn hạn	310		288,043,961,254	577,166,550,341
Nợ ngắn hạn	311	15	175,000,000,000	228,000,000,000
Phải trả người bán	312		90,998,950	291,543,700
Người mua trả tiền trước	313		-	135,454,545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2,995,351,864	17,006,563,264
Phải trả người lao động	315		11,545,329,792	14,076,933,659
Chi phí phải trả	316	17	4,110,478,420	4,055,045,966
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	16,421,579,441	234,071,140,225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	19	74,507,686,268	75,430,686,539
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2,581,239,238	3,247,966,557
Doanh thu chưa thực hiện	328		791,297,281	851,215,886
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1,788,230,492,339	1,691,886,388,463
Vốn chủ sở hữu	410		1,788,230,492,339	1,691,886,388,463
Vốn góp	411		1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	417	20	90,253,607,780	85,318,244,624
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	111,503,506,995	106,568,143,839
Lợi nhuận chưa phân phối	420		86,473,377,564	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,076,274,453,593	2,269,052,938,804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2	363,492,865,521	567,500,940,000
6 Chứng khoán lưu ký	6	18,773,020,740,000	16,207,441,660,000
Trong đó:		-	-
61 Chứng khoán giao dịch	7	14,172,773,360,000	12,518,442,820,000
611 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8	20,121,230,000	40,109,880,000
612 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9	13,790,844,310,000	12,207,385,290,000
613 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	361,807,820,000	270,947,650,000
		-	-
62 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	12	912,305,020,000	59,750,850,000
622 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	14	723,760,390,000	56,625,850,000
623 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	15	188,544,630,000	3,125,000,000
		-	-
63 Chứng khoán cầm cố	17	3,448,944,850,000	3,342,680,020,000
631 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	18	64,377,020,000	64,377,020,000
632 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	19	3,384,567,830,000	3,278,303,000,000
		-	-
65 Chứng khoán chờ thanh toán	27	151,559,710,000	282,750,210,000
651 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	28	-	-
652 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	29	151,247,010,000	282,718,410,000
653 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	30	312,700,000	31,800,000
		-	-
66 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	32	76,769,260,000	-
662 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước		76,769,260,000	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
67 Chứng khoán chờ giao dịch	37	10,668,540,000	3,817,760,000
671 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	38	-	20,000
672 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	39	10,253,700,000	3,705,770,000
673 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	40	414,840,000	111,970,000
		-	-
7 Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	50	187,612,330,000	159,009,110,000
Trong đó:		-	-
71 Chứng khoán giao dịch	51	187,610,330,000	159,007,110,000
711 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	52	4,400,000	6,080,270,000
712 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	53	186,626,750,000	152,005,800,000
713 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	54	979,180,000	921,040,000
		-	-
72 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	56	2,000,000	2,000,000
722 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	58	2,000,000	2,000,000
		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	82	3,185,437,490,000	3,375,178,430,000
		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	83	156,403,820,000	43,597,030,000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Trịnh Thanh Căn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu	1		282,149,305,986	370,544,461,556
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		101,549,000,005	147,251,644,743
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	1.2	21	9,449,351,389	27,197,127,625
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.4		-	360,000,000
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5		3,019,500,002	2,611,484,364
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.6		7,502,312,128	7,136,874,158
Doanh thu khác	1.9	22	160,629,142,462	185,987,330,666
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		160,245,238	120,128,158
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		281,989,060,748	370,424,333,398
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	116,979,275,725	16,323,649,194
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		165,009,785,023	354,100,684,204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	42,450,703,024	34,952,023,347
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		122,559,081,999	319,148,660,857
Thu nhập khác	31	25	1,089,445,362	298,945,368
Chi phí khác	32	26	114,109,935	93,703,951
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		975,335,427	205,241,417
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		123,534,417,426	319,353,902,274
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	27,190,313,550	70,219,229,706
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		96,344,103,876	249,134,672,568

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Trịnh Thanh Căn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	123,534,417,426	319,353,902,274
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	2	5,884,142,262	4,875,559,842
Các khoản dự phòng	3	31,267,244,765	(232,641,131,898)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	5	(168,463,519,268)	(209,549,167,490)
Chi phí lãi vay	6	4,661,874,997	27,936,472,223
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(3,115,839,818)	(90,024,365,049)
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	9	11,369,933,067	522,485,863,876
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	14,383,919,235	(27,251,483,790)
Biến động các khoản chi phí trả trước	12	(14,582,672,060)	472,374,604
		8,055,340,424	405,682,389,641
Tiền lãi đã trả	13	(5,151,819,443)	(29,615,000,000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43,268,880,786)	(21,804,158,108)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	45,788,100	527,670,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(819,680,921)	(766,265,678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41,139,252,626)	354,024,635,855
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(10,503,152,006)	(7,811,862,086)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	250,000,000	78,000,000
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52,000,000,000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59,455,609,500)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31,589,250,000	200,191,250,000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	159,601,930,696	256,113,756,885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69,482,419,190	448,571,144,799

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33	75,000,000,000	178,000,000,000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	100,000,000,000	150,000,000,000
Tiền chi trả nợ gốc trái phiếu	34	(228,000,000,000)	(600,000,000,000)
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	36	(233,937,996,640)	(186,585,569,711)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(286,937,996,640)	(458,585,569,711)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(258,594,830,076)	344,010,210,943
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	515,709,414,817	171,699,203,874
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70= 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	257,114,584,741	515,709,414,817

	2015 VND	2014 VND
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU		
Mua lại các khoản đầu tư bằng cách cần trừ công nợ phải thu	-	66.323.329.885
Thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư	-	23.780

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập

Người soát xét

Người duyệt

Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Ông Trịnh Thanh Căn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

	Vốn góp	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn góp	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.500.000.000.000	72.725.448.008	93.975.347.223	12.829.960.118	1.679.530.755.349
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	249.134.672.568	249.134.672.568
Trích lập quỹ trong năm	-	12.592.796.616	12.592.796.616	(25.185.593.232)	-
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(236.779.039.454)	(236.779.039.454)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.500.000.000.000	85.318.244.624	106.568.143.839	-	1.691.886.388.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	96.344.103.876	96.344.103.876
Trích lập quỹ trong năm	-	4.935.363.156	4.935.363.156	(9.870.726.312)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.500.000.000.000	90.253.607.780	111.503.506.995	86.473.377.564	1.788.230.492.339

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Trịnh Thanh Căn
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC\ ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị báo cáo

- (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).
- (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.
- (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.
- (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 250 nhân viên (31/12/2014: 255 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

- (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.
- (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.
- (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho hướng dẫn trước đó về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Việc áp dụng thông tư 200 và thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại các ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc Công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc Công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC\ ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(c) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Tập đoàn.

(e) Chứng khoán đầu tư

(i) Chứng khoán thương mại

Phân loại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán thương mại vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚCNgày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Giá gốc chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phân loại

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán nắm đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Phân loại

Chứng khoán sẵn sàng để bán là những chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Đo lường

Chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCom được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCom nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo giá gốc.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này phải có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá trên báo cáo tài chính hợp nhất (xem Thuyết minh 4(g)).

(g) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng giảm giá được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế

hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày lập báo cáo. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(h) Các khoản phải thu

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này và các tài sản đảm bảo có liên quan.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa	25 năm
• máy móc thiết bị	3-5năm
• phương tiện vận tải	6 năm
• thiết bị quản lý	3 năm
• tài sản cố định khác	3-6năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(iii) Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thuần nhận được do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập khác hoặc chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phần mềm kinh doanh chứng khoán chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 35 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Việc sử dụng quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được thực hiện theo Điều 15 của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành (“Thông tư 146”).

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập. Tập đoàn chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

(r) Hợp đồng hợp tác đầu tư

Tập đoàn chuyển tiền cho đơn vị hợp tác đầu tư và đơn vị hợp tác đầu tư dùng số tiền này để thay mặt cho Tập đoàn đầu tư vào chứng khoán niêm yết theo các điều kiện của hợp đồng hợp tác đầu tư. Các tài sản và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chính sách kế toán về cách ghi nhận và phân loại áp dụng cho các tài sản và nghĩa vụ tương ứng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Các khoản lãi/lỗ do việc bán các chứng khoán niêm yết từ các hợp đồng hợp tác đầu tư này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Dự phòng giảm giá chứng khoán từ hợp đồng hợp tác đầu tư này được xác định theo phương pháp dùng để xác định dự phòng giảm giá đầu tư như đã đề cập ở các Thuyết minh 4(e) và 4(g).

(s) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các công ty, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là một bên liên quan.

Các công ty liên quan của Tập đoàn là Ngân hàng mẹ, các công ty con và các công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	679.017	16.703.453
Tiền gửi ngân hàng	120.113.905.724	515.692.711.364
Các khoản tương đương tiền	137.000.000.000	-
Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	67.960.615.791	73.747.306.539
	257.114.584.741	515.709.414.817

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có các khoản tương đương tiền khác VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	
	2015	2014	2015 VND	2014 VND
a) Của Tập đoàn				
Cổ phiếu	7.605.460	25.625.887	91.770.154.368	458.328.453.415
Trái phiếu	520	200.000	52.000.000.000	200.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	2.000.000	2.000.000	23.376.000.000	20.040.000.000
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	3.641.512.409	5.017.872.606	54.086.237.423.380	77.057.114.911.610
Trái phiếu	90.495.846	143.715.221	9.507.674.284.942	15.460.547.228.274
Chứng chỉ quỹ	100.170	651.200	976.251.000	6.366.512.000
	3.741.714.405	5.190.064.914	63.762.034.113.690	93.202.397.105.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết chứng khoán thương mại được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Giá trị theo giá thị trường
			Tăng	(Giảm)	
	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	7.281.591	146.045.514.506	63.495.758	(2.576.706.977)	
Cổ phiếu niêm yết	11.262	171.250.046	62.440.458	(46.348.304)	187.342.200
SSI	-	12.592.796.616	12.592.796.616	(25.185.593.232)	-
Khác	10.629	157.541.246	62.096.658	(46.348.304)	173.289.600
Chứng chỉ quỹ niêm yết	2.000.000	20.040.000.000	-	(840.000.000)	19.200.000.000
E1VFN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(840.000.000)	19.200.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.270.329	82.822.398.904	1.055.300	(1.690.358.673)	
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	910.499	10.470.738.500	-	-	10.470.738.500
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	4.314.465	69.932.182.531	-	-	- Chưa xác định được
Khác	1.365	19.477.473	1.055.300	(11.958.673)	8.574.500
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)	không áp dụng	43.011.865.556	-	-	43.011.865.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Giá trị theo giá thị trường
			Tăng	(Giảm)	
	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	6.370.604	424.816.718.250	54.919.892	(2.974.095.252)	
Cổ phiếu niêm yết	11.262	171.250.046	62.440.458	(46.348.304)	187.342.200
VCB	-	12.592.796.616	12.592.796.616	(25.185.593.232)	-
Khác	10.629	157.541.246	62.096.658	(46.348.304)	173.289.600
Chứng chỉ quỹ niêm yết	2.000.000	20.040.000.000	-	(1.240.000.000)	18.800.000.000
E1VFN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(1.240.000.000)	18.800.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.359.703	72.351.061.322	812.900	(1.690.170.710)	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	4.314.465	69.932.182.531	-	-	- Chưa xác định được
Khác	1.238	18.878.791	812.900	(11.770.710)	7.920.981
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)	không áp dụng	332.268.602.778	-	-	332.268.602.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn, chứng khoán sẵn sàng để bán, đầu tư góp vốn và đầu tư tài chính khác được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Dự phòng giảm giá	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	(Giảm)
	VND	VND	VND	VND	VND	
II. Chứng khoán đầu tư	13.845.130	-	235.366.012.860	-	(45.839.390.360)	-
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	13.844.610	-	183.366.012.860	-	(45.839.390.360)	-
Cổ phiếu niêm yết (a)	8.674.557	-	123.910.403.360	-	(45.839.390.360)	-
BTS (b)	8.674.557	-	123.910.403.360	-	(45.839.390.360)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.170.053	-	59.455.609.500	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	5.170.053	-	59.455.609.500	-	-	-
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	520	-	52.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	520	-	52.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Khai Toàn	520	-	52.000.000.000	-	-	-
III. Đầu tư tài chính khác	-	11.282.057	-	150.094.515.860	-	(14.185.432.736)
Cổ phiếu niêm yết (a)	-	10.674.557	-	144.010.403.360	-	(14.185.432.736)
BTS	-	8.674.557	-	123.910.403.360	-	(14.185.432.736)
ASIAGF	-	2.000.000	-	20.100.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	607.500	-	6.084.112.500	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	-	607.500	-	6.084.112.500	-	-

(a) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 20.132 triệu VND (31/12/2014: 22.354 triệu VND cổ phiếu niêm yết thuộc đầu tư dài hạn khác) cổ phiếu được Tập đoàn mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”). Tập đoàn hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên.

(b) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 6.437.702 cổ phiếu với giá trị ghi sổ là 57.939.318.000 VND (31/12/2014: 91.028.290.911 VND) đang được thế chấp với một ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	2.974.095.252	227.478.676.464
Trích lập dự phòng trong năm	905.166.071	1.257.701.073
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.302.554.346)	(225.762.282.285)
	2.576.706.977	2.974.095.252

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	14.185.432.736	15.927.129.892
Trích lập dự phòng trong năm	45.839.390.360	1.614.632.723
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.185.432.736)	(3.356.329.879)
	45.839.390.360	14.185.432.736

8. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	2015 VND	2014 VND
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	1.793.101.204	1.769.118.988

9. Các khoản phải thu khác

	31/12/ 2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.316.466.927.981	1.099.479.449.117
Phải thu đặt cọc đấu giá	44.400.400.000	-
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	5.298.388.465	-
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư	23.780	23.780
Phải thu cổ tức	151.000	202.200
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	12.145.391.537	9.958.926.359
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	437.767.883	641.473.825
Phải thu lãi trái phiếu	227.500.000	-
Các khoản phải thu khác	1.747.589.066	2.137.083.805
	1.380.724.139.712	1.112.217.159.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,026% đến 0,041% trong năm (2014: 0,034% đến 0,04%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 50% và 30%.
- (ii) Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất ngày 0,036% và có thời hạn gốc 2 ngày trong năm.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	1.223.429.440	7.618.282.970
Trích lập dự phòng trong năm	89.413.416	2.359.956.590
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(78.738.000)	(8.754.810.120)
	1.234.104.856	1.223.429.440

11. Tài sản cố định hữu hình

2015	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
Tăng trong năm	-	38.000.000	-	2.879.615.800	-	2.917.615.800
Thanh lý	-	-	(448.617.209)	(42.350.000)	-	(490.967.209)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.052.320.204	2.560.561.300	14.389.996.919	2.425.654.203	88.874.267.021
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
Khấu hao trong năm	2.498.254.890	39.782.466	-	2.799.811.206	293.781.227	5.631.629.789
Thanh lý	-	-	(448.617.209)	(2.273.960)	-	(450.891.169)
Số dư cuối năm	18.760.948.091	7.020.653.540	2.560.561.300	8.405.585.851	1.940.679.045	38.688.427.827
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223
Số dư cuối năm	43.684.786.304	31.666.664	-	5.984.411.068	484.975.158	50.185.839.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

2015	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	7.801.304.660	3.572.228.509	4.615.213.021	2.878.416.203	81.312.896.788
Tăng trong năm	-	-	-	6.995.066.086	192.236.000	7.187.302.086
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(57.547.988)	(644.998.000)	(2.052.580.444)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.764.012.797	7.700.632.010	3.486.671.066	3.907.775.328	2.012.433.113	30.871.524.314
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	67.223.520	85.557.443	1.752.119.211	279.462.705	4.683.043.283
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(51.845.934)	(644.998.000)	(2.046.878.390)
Số dư cuối năm	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	48.681.721.598	100.672.650	85.557.443	707.437.693	865.983.090	50.441.372.474
Số dư cuối năm	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 15.057.742.940 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 13.821.068.185 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 43.684.786.304 VND (31/12/2014: 46.183.041.194 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	2015 VND	2014 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.123.445.796	2.537.629.746
Tăng trong năm	317.100.000	624.560.000
Xóa sổ	-	(38.743.950)
Số dư cuối năm	3.440.545.796	3.123.445.796
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.686.627.366	2.532.854.757
Khấu hao trong năm	252.512.473	192.516.559
Xóa sổ	-	(38.743.950)
Số dư cuối năm	2.939.139.839	2.686.627.366
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	436.818.430	4.774.989
Số dư cuối năm	501.405.957	436.818.430

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 2.498.885.796 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 2.498.885.796 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	11.980.022.805	-
Số dư cuối năm	11.980.022.805	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:		
	2015 VND	2014 VND
Phần mềm kinh doanh chứng khoán	11.980.022.805	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

2015	Công cụ và dụng cụ	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	294.252.054	742.948.737	135.227.279	1.172.428.070
Tăng trong năm	225.169.260	-	15.510.094.900	15.735.264.160
Phân bổ trong năm	(249.433.568)	(26.533.948)	(877.274.084)	(1.153.241.600)
Số dư cuối năm	269.987.746	716.414.789	14.768.048.095	15.754.450.630
2014	Công cụ và dụng cụ	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	769.726.584	769.482.685	533.572.003	2.072.781.272
Tăng trong năm	309.149.331	-	162.868.644	472.017.975
Phân bổ trong năm	(784.623.861)	(26.533.948)	(561.213.368)	(1.372.371.177)
Số dư cuối năm	294.252.054	742.948.737	135.227.279	1.172.428.070

15. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	2015 VND	2014 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	18.144.000.003

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua Thành viên lưu ký của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5

tỷ VND. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của Công ty vào Quỹ Hỗ trợ Thanh Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	18.144.000.003	15.644.000.003
Tiền nộp bổ sung trong năm	819.680.921	766.265.678
Tiền lãi trong năm	1.036.319.076	1.733.734.322
Số dư cuối năm	20.000.000.000	18.144.000.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

16. Tài sản dài hạn khác

	2015 VND	2014 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	503.669.100	549.457.200

17. Nợ ngắn hạn

2015	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Số dư tại ngày 1/1/2015	Số tăng trong năm	(Số trả trong năm)	Số dư tại ngày 31/12/2015
	%		VND	VND	VND	VND
Trái phiếu ngắn hạn phát hành cho:						
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	8,50%	21/12/2016	-	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Minh Phương	8,50%	29/12/2015	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
Triệu Thị Tâm	8,50%	29/12/2015	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Nguyễn Thị Thu Hương	9,00%	29/12/2015	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
Huỳnh Văn Sơn	9,00%	29/12/2015	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Dịp Văn Minh	9,00%	29/12/2015	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9,00%	29/12/2015	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Nguyễn Thái Thảo Ly	8,50%	29/12/2015	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
Trần Thị Tuyết Vân	9,00%	29/12/2015	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn từ:						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	9,00%	18/05/2015	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (*)	8,50%	27/2/2016	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
			228.000.000.000	175.000.000.000	(228.000.000.000)	175.000.000.000

(*) Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng 6.437.702 cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị ghi sổ là 57.939.318.000 VND (31/12/2014: 4.314.465 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á với giá trị ghi sổ là 69.932.182.531 VND và 6.437.702 cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị ghi sổ là 91.028.290.911 VND) và tài sản cố định hữu hình là tòa nhà 107N Trương Định có giá trị còn lại là 43.684.786.304 VND (31/12/2014: 46.183.041.194 VND) (Thuyết minh số 7 và 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2015 VND	2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	546.832.802	491.883.997
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.704.047.465	2.551.346.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.584.713.199
Các loại thuế khác	744.471.597	378.619.488
	2.995.351.864	17.006.563.264

19. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi trái phiếu phải trả	177.083.333	37.305.556
Lãi vay ngân hàng phải trả	802.777.777	1.432.500.000
Phí giao dịch phải trả Trung tâm Lưu ký, Sở Giao dịch Chứng khoán	2.274.565.719	2.567.240.410
Chi phí khác	856.051.591	18.000.000
	4.110.478.420	4.055.045.966

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	-	233.937.996.640
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ	13.893.099.074	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.528.480.367	133.143.585
	16.421.579.441	234.071.140.225

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	74.507.686.268	75.430.686.539

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

22. Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty và công ty con phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận hàng năm:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

23. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	99.930.223	3.692.000
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán đầu tư tài chính dài hạn	5.405.137.500	-
Thu nhập cổ tức	16.117.000	263.567.329
Thu nhập trái tức	3.928.166.666	26.929.868.296
	9.449.351.389	27.197.127.625

24. Doanh thu khác

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	139.967.292.175	159.280.026.405
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	16.058.446.452	18.945.838.075
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.878.435.515	4.116.319.439
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	-	642.000.000
Doanh thu khác	1.724.968.320	3.003.146.747
	160.629.142.462	185.987.330.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

25. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	16.932.527.156	24.382.284.651
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	353.206.108	126.573.938.189
Chi phí lưu ký chứng khoán	9.508.280.844	10.569.367.394
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	31.256.569.349	(226.246.27 8.368)
Chi phí lãi trái phiếu	2.849.374.998	26.503.972.223
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.812.499.999	1.432.500.000
Chi phí nhân viên trực tiếp	33.322.620.030	33.500.005.650
Khấu hao tài sản cố định	3.830.310.124	2.489.791.277
Chi phí hoa hồng	3.824.971.459	2.764.737.355
Chi phí thuê văn phòng	3.307.729.854	4.443.699.786
Chi phí khác	9.981.185.804	9.909.631.037
	116.979.275.725	16.323.649.194

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Khấu hao tài sản cố định	2.053.832.138	2.385.768.565
Chi phí nhân viên	25.142.956.721	23.939.321.764
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.675.416	(6.394.853.530)
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	689.291.396	990.800.750
Thuế, phí, lệ phí	47.412.000	54.911.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.075.410.572	2.855.112.619
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.835.074.495	1.308.802.538
Chi phí thuê văn phòng	1.275.950.782	953.700.467
Chi phí khác	9.320.099.504	8.858.459.174
	42.450.703.024	34.952.023.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

27. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	250.000.000	78.000.000
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	642.000.000	-
Thu nhập khác	197.445.362	220.945.368
	1.089.445.362	298.945.368

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.190.313.550	70.219.229.706
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
	27.190.313.550	70.219.229.706

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	123.534.417.426	319.353.902.274
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.697.466.867	70.856.535.642
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(523.440.774)	(656.661.954)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	16.287.457	19.356.018
	27.190.313.550	70.219.229.706

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty và công ty con chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ được giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bảng sau đây thể hiện các giao dịch chủ yếu trong năm và các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	900.900	706.430.966
Phí thu từ Ngân hàng mẹ	4.721.074	2.170.552
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.780.216.486	21.199.324.607
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	642.000.000	642.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	107.397.763
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	150.903.323	125.929.440
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	233.937.996.640	186.585.569.711
Chi phí điện nước phải trả	483.280.148	200.892.773

Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan

Mua lại các khoản đầu tư	-	66.323.329.885
Chi phí lãi vay	-	18.427.500.000
Mua lại trái phiếu phát hành	-	300.000.000.000
Doanh thu từ quản lý tài sản	-	250.687.448
Chi phí khác	-	968.186.719

Các thành viên quản lý chủ chốt

Lương và các quyền lợi gộp khác	3.612.143.000	4.884.998.000
---------------------------------	---------------	---------------

	Số dư tại ngày phải thu/(Phải trả)	
	2015 VND	2014 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi không kỳ hạn	114.770.788.426	363.227.041.952
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	180.011.865.556	332.268.602.778
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	437.767.883	641.473.825
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	-	(233.937.996.640)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

30. Biến động các khoản phải thu

Khoản mục	Số dư đầu năm			Số phát sinh trong năm	Số dư cuối năm				
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	32.875.107	(22.895.571)	9.979.536	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	7.212.929.400	-	-	7.404.815.916	(14.066.990.876)	550.754.440	-	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	-	-	707.069.000	(1.755.799.000)	-	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.769.118.988	2.354.080	2.354.080	13.326.659.108.513	(13.326.635.126.297)	1.793.101.204	2.354.080	2.354.080	1.865.956
5. Các khoản phải thu khác	1.112.217.159.086	4.600.219.813	1.232.238.900	11.390.195.621.913	(11.121.688.641.287)	1.380.724.139.712	2.705.313.584	1.232.238.900	1.232.238.900
	1.122.247.937.474	4.602.573.893	1.234.592.980	24.724.999.490.449	(24.464.169.453.031)	1.383.077.974.892	2.707.667.664	1.234.592.980	1.234.104.856

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Tập đoàn ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Tập đoàn ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán và tiền gửi của khách hàng tại Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/ 2015 VND	31/12/ 2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	257.113.905.724	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	43.011.865.556	332.268.602.778
Phải thu của khách hàng	9.979.536	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	1.793.101.204	1.769.118.988
Các khoản phải thu khác (ii)	1.380.724.139.712	1.112.217.159.086
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (iii)	52.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	745.684.100	561.206.200
	1.755.398.675.832	1.981.701.528.419

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng mẹ. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(iii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Với mức độ rủi ro tín dụng nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Bảng phân tích tài sản tài chính có đảm bảo và không đảm bảo chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	257.113.905.724	257.113.905.724
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	43.011.865.556	43.011.865.556
Phải thu của khách hàng	-	9.979.536	9.979.536
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.790.747.124	1.790.747.124
Các khoản phải thu khác	1.326.985.236.505	51.033.589.623	1.378.018.826.128
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	-	52.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	745.684.100	745.684.100
	1.378.985.236.505	373.705.771.663	1.752.691.008.168

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	515.692.711.364	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	332.268.602.778	332.268.602.778
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.766.764.908	1.766.764.908
Các khoản phải thu khác	1.106.070.585.963	1.546.353.310	1.107.616.939.273
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	18.144.000.003	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	-	561.206.200	561.206.200
	1.106.070.585.963	871.028.368.563	1.977.098.954.526

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa tổn thất như sau:

	Các khoản phải thu khác	
	2015 VND	2014 VND
Quá hạn dưới 6 tháng	1.473.074.684	3.367.980.913

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán VND	Các khoản phải thu khác VND
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.627.080	-
Quá hạn từ 3 năm trở lên	727.000	1.232.238.900
	2.354.080	1.232.238.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán VND	Các khoản phải thu khác VND
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.627.080	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	727.000	1.197.238.900
Quá hạn từ 3 năm trở lên	-	35.000.000
	2.354.080	1.232.238.900

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính đã quá hạn và bị tổn thất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chứng khoán niêm yết trên		
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	11.270.014.525	13.548.818.533
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	5.535.797.340	-
	16.805.811.865	13.548.818.533

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm được trình bày trong Thuyết minh số 10.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Tập đoàn luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu và đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	175.000.000.000	182.673.611.111	182.673.611.111
Phải trả người bán	90.998.950	90.998.950	90.998.950
Chi phí phải trả	4.110.478.420	4.110.478.420	4.110.478.420
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.421.579.441	16.421.579.441	16.421.579.441
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	74.507.686.268	74.507.686.268	74.507.686.268
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.581.239.238	2.581.239.238	2.581.239.238
	272.711.982.317	280.385.593.428	280.385.593.428

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	228.000.000.000	239.945.958.333	239.945.958.333
Phải trả người bán	291.543.700	291.543.700	291.543.700
Chi phí phải trả	4.055.045.966	4.055.045.966	4.055.045.966
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	234.071.140.225	234.071.140.225	234.071.140.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	75.430.686.539	75.430.686.539	75.430.686.539
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.247.966.557	3.247.966.557	3.247.966.557
	545.096.382.987	557.042.341.320	557.042.341.320

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.113.905.724	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	43.011.865.556	332.268.602.778
Phải thu khác	1.321.765.316.446	1.099.479.449.117
Nợ ngắn hạn	(175.000.000.000)	(228.000.000.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	-

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn 405.600.000 VND (2014: không). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết thuộc chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán của Tập đoàn là 97.458.337.654 VND (31/12/2014: 18.967.236.600 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 17%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn sẽ giảm 9.643.340.961 VND hoặc tăng 8.394.550.981 VND tương ứng (2014: giảm 1.086.853.486 VND hoặc tăng 2.820.338.740 VND tương ứng).

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Số tăng trong năm	(Số trả trong năm)	Số dư tại ngày 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết				
Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại chưa niêm yết	19.324.901.742	19.387.342.200	18.913.129.608	18.967.236.600
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	721.600.000	721.600.000	721.600.000	721.600.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	69.932.182.531	(*)	69.932.182.531	(*)
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	10.470.738.500	(*)	-	-
- Khác	7.519.200	8.574.500	7.108.081	7.920.981
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	(*)	-	-
Các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.113.905.724	257.113.905.724	515.692.711.364	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	43.011.865.556	(*)	332.268.602.778	(*)
Phải thu của khách hàng	9.979.536	(*)	-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	1.048.730.000	(*)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.791.235.248	(*)	1.767.578.448	(*)
Các khoản phải thu khác	1.379.491.900.812	(*)	1.110.995.270.186	(*)
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	(*)	18.144.000.003	(*)
Tài sản tài chính khác	745.684.100	(*)	561.206.200	(*)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
• Chứng khoán niêm yết	78.071.013.000	78.071.013.000	129.824.970.624	87.526.633.200
• Chứng khoán chưa niêm yết	59.455.609.500	(*)	6.084.112.500	(*)
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
• Nợ ngắn hạn	(175.000.000.000)	(*)	(228.000.000.000)	(*)
• Phải trả người bán	(90.998.950)	(*)	(291.543.700)	(*)
• Chi phí phải trả	(4.110.478.420)	(*)	(4.055.045.966)	(*)
• Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(16.421.579.441)	(*)	(234.071.140.225)	(*)
• Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(74.507.686.268)	(*)	(75.430.686.539)	(*)
• Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	(2.581.239.238)	(*)	(3.247.966.557)	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

32. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	4.380.008.900	4.948.992.900
Từ hai đến năm năm	16.748.607.600	16.295.091.600
Trên năm năm	13.554.243.000	16.295.091.600
Nợ ngắn hạn	(175.000.000.000)	(228.000.000.000)
	34.682.859.500	38.864.600.400

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ông Trịnh Thanh Căn
Tổng Giám đốc





TRỤ SỞ CHÍNH

41 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Q.1, Tp. HCM
H: 1900 5555 33 – E: acbs@acbs.com.vn
T: (08) 38234159 – F: (08) 38235060